**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

ISO 9001:2008

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thanh Hoa**
**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

# HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA – NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thanh Hoa**
**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Phương**

**HẢI PHÒNG - 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thanh Hoa Mã SV: 1312401157

Lớp: QT1703K Ngành: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua – người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế thanh toán trong doanh nghiệp
- Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán tại tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, sử dụng số liệu năm 2016.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.
- Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ - Phường Hồng Hải - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 17 tháng 4 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2017

| Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN | Đã giao nhiệm vụ ĐTTN |
|---|---|
| *Sinh viên* | *Người hướng dẫn* |
| Phạm Thanh Hoa | Trần Thị Thanh Phương |

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2017***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thành đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài nghiên cứu do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):**

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thông báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Những giải pháp mà tácgiả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất – kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toàn công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán và có độ tin cậy.

3. **Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

……..
……..
……..

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# MỤC LỤC

**LỜI MỞ ĐẦU……..1**

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA – NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP……...3**

**1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán……3**

**1.2. Nguyên tắc của kế toán thanh toán đối với người mua……5**

1.2.1. Nguyên tắc trong thanh toán với người mua……..……..5

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua……..……..5

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua…….……..6

**1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán……...8**

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán…….……8

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán……..……...8

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán…….……...9

**1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ..11**

1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán…….……..11

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ……...……...11

**1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán……13**

**1.6. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán...14**

**1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung...15**

1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ Nhật ký chung……..15

1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung……..…..16

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH……..18**

**2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh……..18**

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh…….……18

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty……..19

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**……21**
2.1.4. Các thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây**……...26**
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty**……29**
**2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh……32**
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**…….…...32**
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**…….33**
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**…….47**

**CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢN NINH…….63**
**3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh……...63**
**3.1.1. Ưu điểm……63**
**3.1.2. Hạn chế…….64**
**3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán……65**
**3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán……...65**
**3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh……..66**
3.4.1. Giải pháp 1: Tăng cường quản lý công nợ**……66**
3.4.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**……...……71**
3.4.3. Giải pháp 3: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi**……...……..74**
3.4.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán**…….……..78**

**KẾT LUẬN……81**

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, hàng loạt các doanh nghiệp đã, đang và sẽ ra đời, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Với quy mô và hoạt động khác nhau nhưng về cơ bản đều hướng tới mục tiêu chung là phát triển bền vững và lợi ích lâu dài. Để đạt được điều đó thì mỗi doanh nghiệp luôn phải nắm bắt được tình hình tài chính của công ty, phải biết là đồng vốn của mình đang được sử dụng như thế nào, hay đang đặt ở đâu, có đáng tin cậy hay không, bên cạnh đó việc xây dựng lòng tin với khách hàng cũng như nhà cung cấp là một việc quan trọng không kém.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty em thấy công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cùng với sự hướng dẫn của cô Trần Thị Thanh Phương em đã đã quyết định chọn đề tài ***"Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua - người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh."*** để làm đề tài cho khóa luận của mình.

## 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Đề xuất một số giải pháp giúp công ty hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Phạm vi nghiên cứu:

- ❖ Về không gian: Nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh
- ❖ Về số liệu nghiên cứu: năm 2016

## 4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp kế toán

- Phương pháp thống kê và so sánh

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

**5. Kết cấu của khóa luận**

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận

Nội dung nghiên cứu: gồm 3 chương

**CHƯƠNG 1:** Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua - người bán trong các doanh nghiệp.

**CHƯƠNG 2:** Thực trạng tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua - người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

**CHƯƠNG 3:**Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua - người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, các cô chú phòng kế toán của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

# CHƯƠNG 1
# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA - NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán:

**Khái niệm thanh toán**: Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

**Phương thức thanh toán**: Là cách thức chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua. Đối với thanh toán trong nước thông thường có 2 phương thức thanh toán là: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- **Thanh toán trực tiếp:**Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)…
- **Thanh toán chậm trả:** Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thoả thuận.

**Hình thức thanh toán**: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- *Thanh toán bằng tiền mặt*: bao gồm các loại hình thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ các loại, hối phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền…Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ… thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.
- *Thanh toán không bằng tiền mặt* là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: thanh toán bằng Séc, thanh toán

bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

- ✓ Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư.Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.
- ✓ Thanh toán bằng ủy nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.
- ✓ Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Ủy nhiệm chi là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác…
- ✓ Thanh toán bù trừ: Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ theo dõi.
- ✓ Thanh toán bằng thư tín dụng – L/C: Theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.
- ✓ Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

## 1.2. Nguyên tắc của kế toán thanh toán đối với người mua

### 1.2.1. Nguyên tắc trong thanh toán với người mua.

Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu theo từng đối tượng, thường xuyên tiến hành đối chiếu, kiểm tra, đôn đốc để việc thanh toán diễn ra kịp thời.

Đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch mua, bán thường xuyên, có số dư nợ lớn thì theo định kỳ ( 1 tháng hoặc 2 tháng …) kế toán cần kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn phải thanh toán. Hai bên cần phải có sự xác nhận bằng văn bản.

Đối chiếu các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ, phải theo dõi cả nguyên tệ trên tài khoản chi tiết và quy đổi ra đồng tiền Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư thực tế khi quy đổi ra tiền Việt Nam.

Đối với các khoản thu bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ điều chỉnh số dư theo thực tế.

Cần phân loại các khoản nợ phải thu theo thời gian thanh toán cũng như đối tượng thanh toán để có kế hoạch thu hồi nợ phù hợp.

Khi lập báo cáo cuối kỳ, không bù trừ công nợ của khách hàng mà phải căn cứ vào sổ chi tiết khách hàng để lấy số liệu.

### 1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

*A. Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Hợp đồng bán hàng (đối với những khách hàng có giao dịch lớn/ 1 lần giao dịch)
- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn GTGT) do doanh nghiệp lập
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền: phiếu thu, giấy báo có
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 131
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 131 từng khách hàng
- Bảng tổng hợp TK 131

*B. Tài khoản sử dụng*

- TK 131: Phải thu của khách hàng

**Kết cấu TK 131: phải thu của khách hàng**

| Bên nợ | Bên có |
|---|---|
| - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính<br>- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng<br>- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). | - Số tiền khách hàng đã trả nợ<br>- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng<br>- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại<br>- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT)<br>- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua<br>-Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). |
| **Số dư bên nợ**<br>-Số tiền còn phải thu của khách hàng | **Số dư bên có (nếu có)**<br>- Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. |

***Chú ý*:** Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

**1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua**

***Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT 200/2014/TT-BTC:***

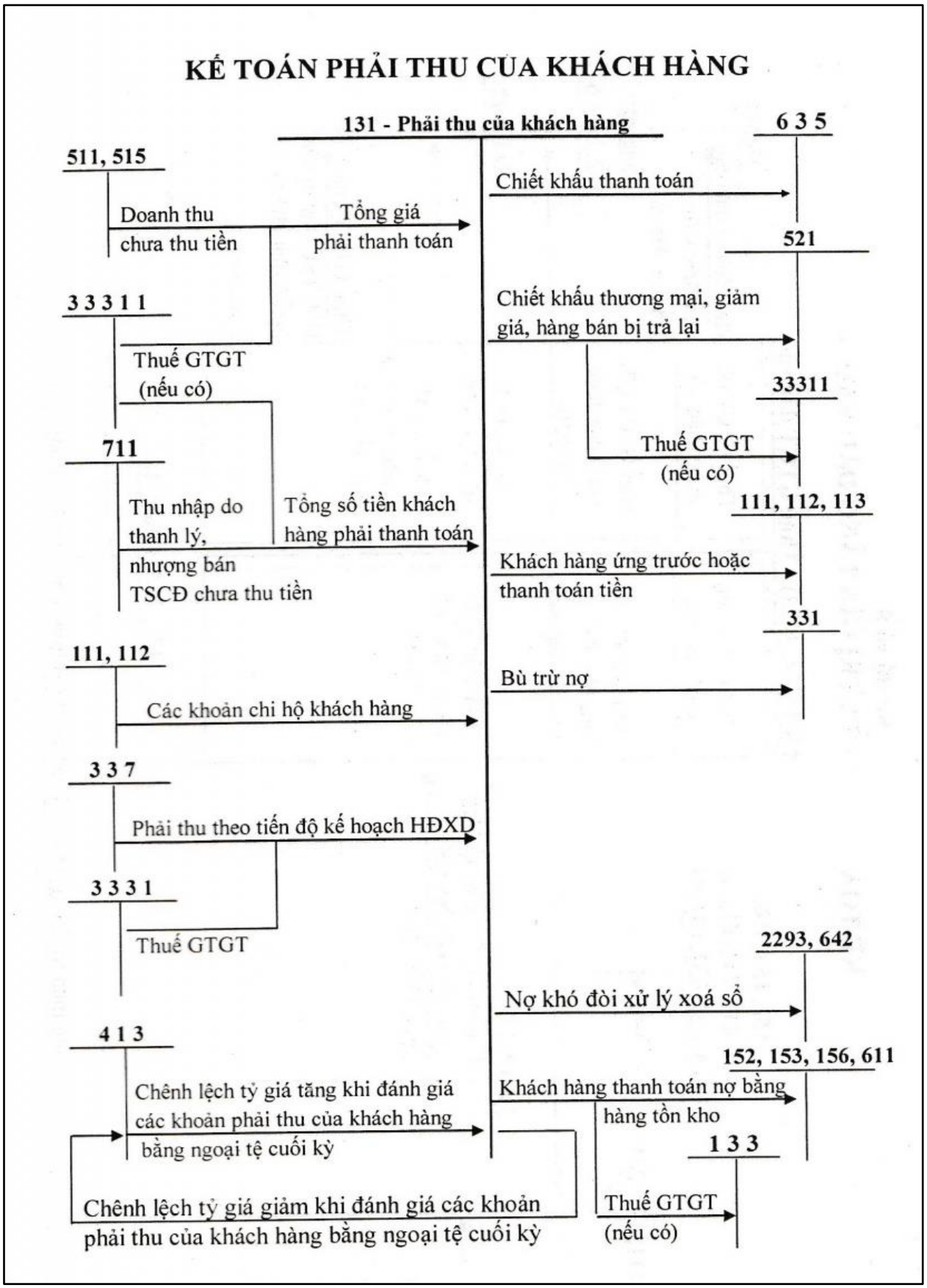
KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG
131 - Phải thu của khách hàng
511, 515
Doanh thu chưa thu tiền
Tổng giá phải thanh toán
33311
Thuế GTGT (nếu có)
711
Thu nhập do thanh lý, nhượng bán TSCĐ chưa thu tiền
Tổng số tiền khách hàng phải thanh toán
111, 112
Các khoản chi hộ khách hàng
337
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD
3331
Thuế GTGT
413
Chênh lệch tỷ giá tăng khi đánh giá các khoản phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ cuối kỳ
Chênh lệch tỷ giá giảm khi đánh giá các khoản phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ cuối kỳ
635
Chiết khấu thanh toán
521
Chiết khấu thương mại, giảm giá, hàng bán bị trả lại
33311
Thuế GTGT (nếu có)
111, 112, 113
Khách hàng ứng trước hoặc thanh toán tiền
331
Bù trừ nợ
2293, 642
Nợ khó đòi xử lý xoá sổ
152, 153, 156, 611
Khách hàng thanh toán nợ bằng hàng tồn kho
133
Thuế GTGT (nếu có)

## 1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

### 1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ, hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ trả tiền ngay.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

### 1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

*A. Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn bán hàng ( hoặc hóa đơn GTGT) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa, phiếu nhập kho, biên bản giao nhận…
- Các chứng từ thanh toán tiền hàng: phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi, séc…
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Sổ cái TK 331
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 331 từng khách hàng
- Bảng tổng hợp TK 331

***B. Tài khoản sử dụng***

- TK 331: Phải trả cho người bán

**Kết cấu TK 331: Phải trả người bán**

| Bên nợ | Bên có |
|---|---|
| - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.<br>- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.<br>- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.<br>Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào các khoản nợ phải trả cho người bán.<br>- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.<br>- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). | - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.<br>- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.<br>- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). |
| **Số dư bên nợ (nếu có)**<br>-Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. | **Số dư bên có**<br>-Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp. |

***Chú ý*:** Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

**1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán**

***Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT200/2014/TT-BTC:***

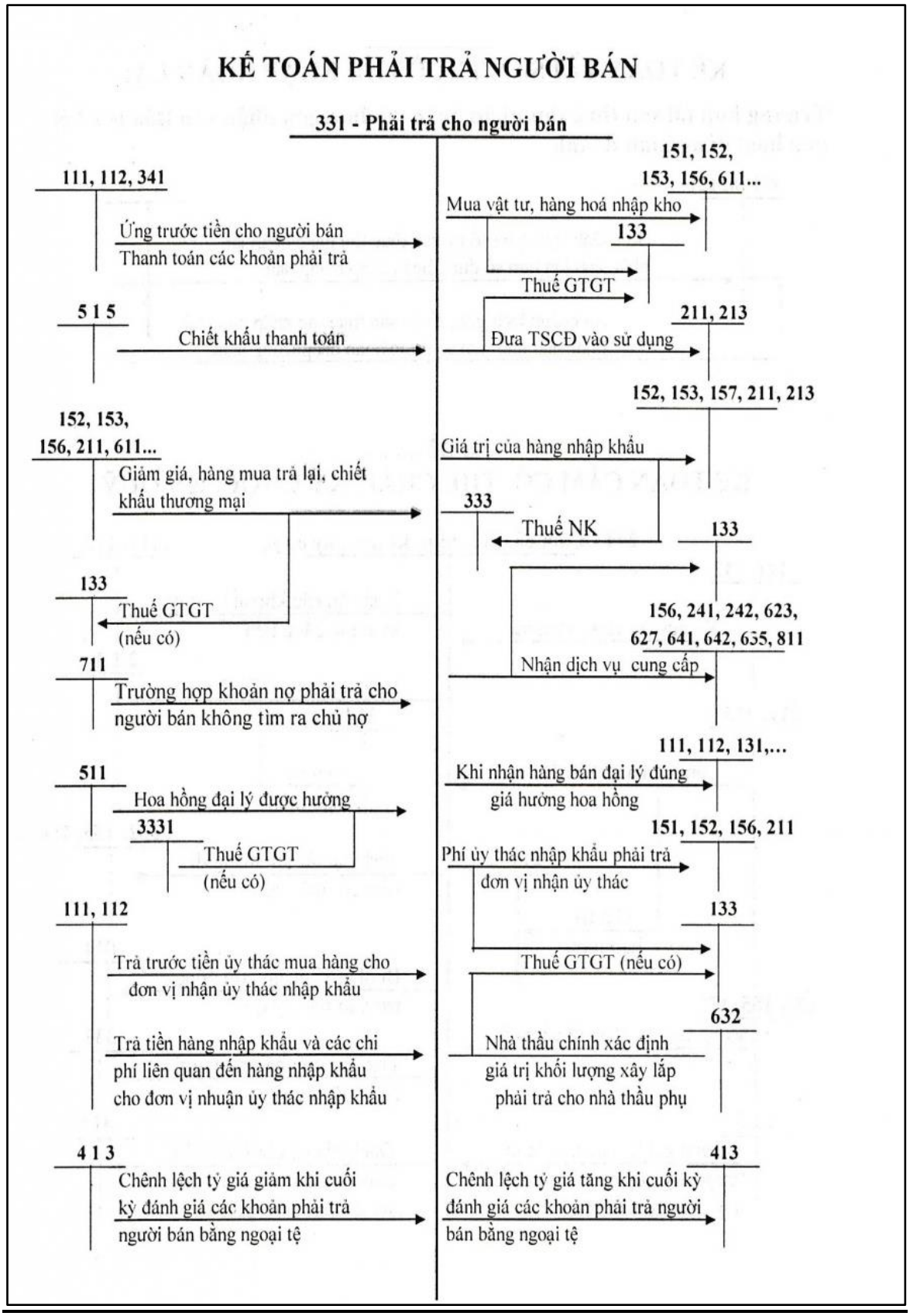

## 1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

### 1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán

Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ. Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ.

Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.
- Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.
- Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.
- Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.
- Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.
- Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

### 1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

Kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ thể hiện qua sơ đồ sau:

***Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD ( trong năm tài chính)***

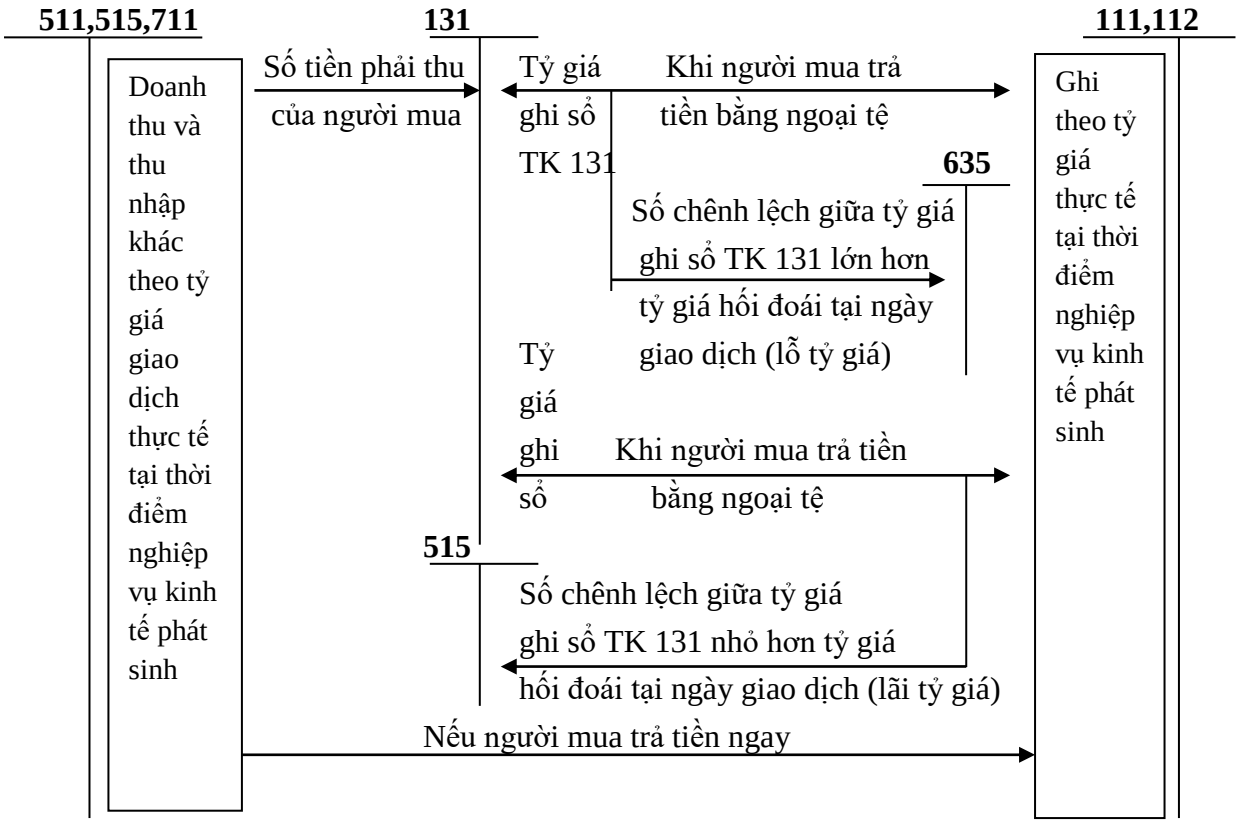


***Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn SXKD (trong năm tài chính)***

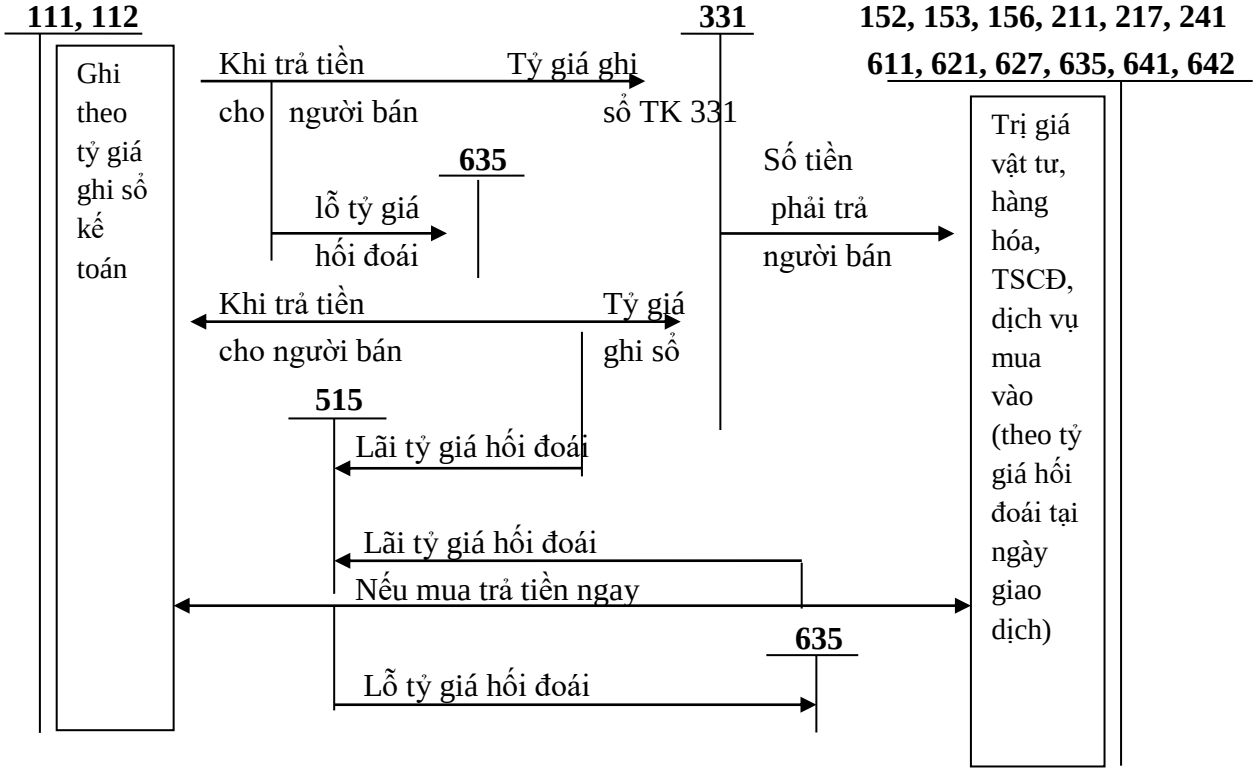

***Sơ đồ 1.5: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo***

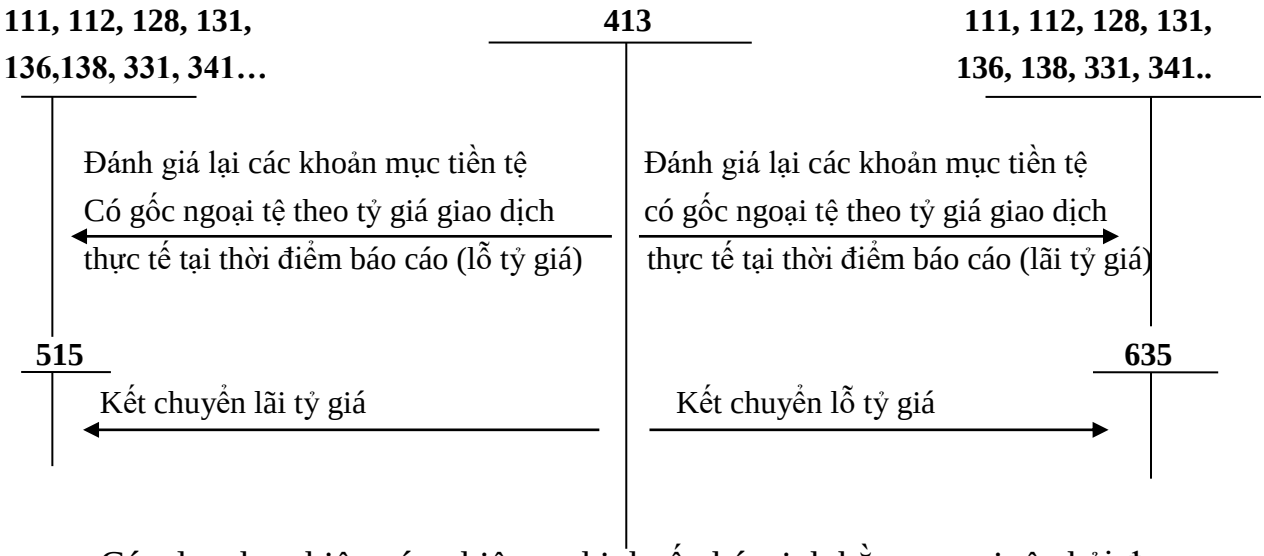


Các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi hoặc lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của hoạt động kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp đầu tư XDCB, tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ phát sinh trong kỳ (giai đoạn trước hoạt động) chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào Nợ hoặc Có TK 413 cho đến thời điểm hoàn thành đầu tư xây dựng, bàn giao công trình đưa vào sử dụng sẽ được kết chuyển ngay toàn bộ hoặc phân bổ dần vào Có TK 515 hoặc Nợ TK 635 trong thời gian tối đa không quá 5 năm.

## 1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán

Doanh nghiệp không thể chi trả tất cả các khoản phát sinh trong hoạt động kinh doanh với lượng vốn chủ sở hữu có hạn, dẫn đến phải chiếm dụng vốn của

tổ chức khác làm phát sinh quan hệ thanh toán. Trong tất cả các khoản phải thu thì phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Luồng tiền thu được từ khách hàng là nguồn chính để doanh nghiệp chi trả các khoản nợ và tiếp tục chu kỳ kinh doanh của mình. Việc quản lý và thu hồi nợ tốt sẽ nâng cao khả năng thanh toán của doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh để vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong suốt quá trình hoạt động của mình và quyết định sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh.

Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính doanh nghiệp giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán phát sinh đều được biểu hiện qua các chứng từ, sổ sách nên việc quản lý các khoản nợ và thu hồi nợ phải được tiến hành thông qua kế toán. Từ sự quản lý thường xuyên và chi tiết của kế toán mà ban giám đốc sẽ có những quyết định đúng đắn, biện pháp kịp thời trong việc thu hồi nợ phải thu sớm nhất có thể từ phía khách hàng nhưng vẫn phải đảm bảo duy trì mối quan hệ tốt với bạn hàng, đồng thời chi trả đúng hạn cho người bán nhằm nâng cao uy tín cho công ty. Nhìn chung, quan hệ thanh toán với người mua và người bán có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

## 1.6. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

- Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đôn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

- Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ.Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

- Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán.

- Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

## 1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

### 1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ nhật ký chung:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

**- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:**

+ Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;

+ Sổ cái;

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**- Ưu điểm**

+ Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

+ Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán

+ Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

**- Nhược điểm**

+ Lượng ghi chép nhiều.

### 1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

***Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung***

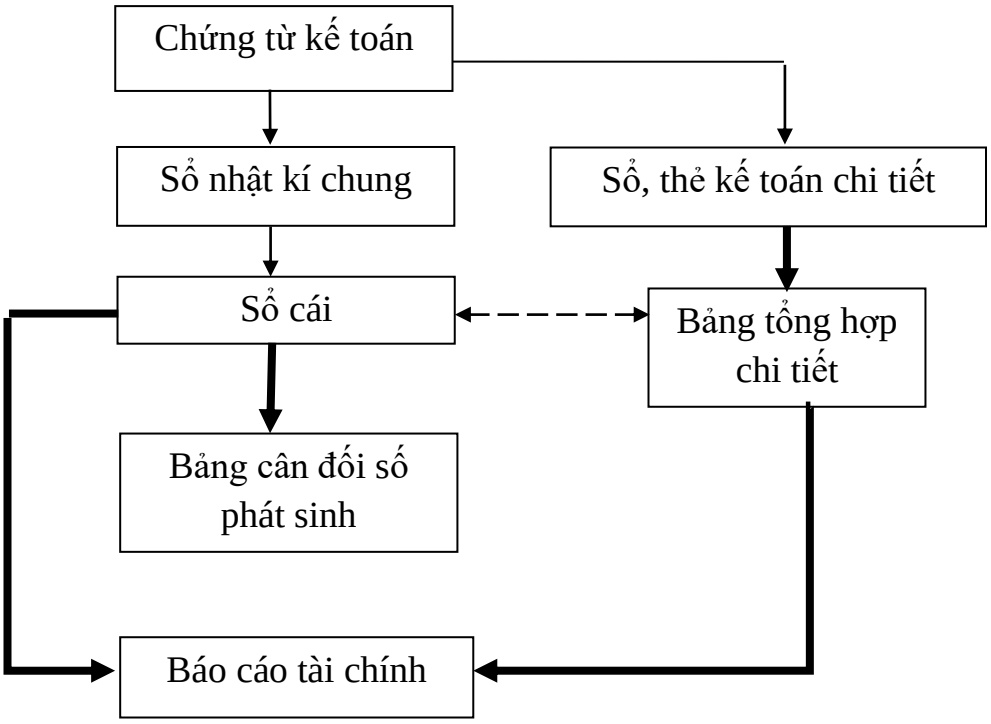


***Ghi chú:***

**Ghi hàng ngày** : ⟶

**Ghi định kỳ** : ⟹

**Kiểm tra, đối chiếu** : ⟷

*A. Công việc hàng ngày:*

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Nếu đơn vị có mở sổ , thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung , các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ , thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10, … ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào

các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

*B. Công việc cuối tháng, quý, năm:*

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

-Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung (hoặc sổ nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

# CHƯƠNG 2
# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH.

## 2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

- Tên đơn vị: Công Ty Cổ Phần Nước Sạch Quảng Ninh
- Tên giao dịch: QUAWACO
- Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ - Phường Hồng Hải - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh

Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh được chuyển đổi từ Công ty TNHH 1 Thành viên kinh doanh nước sạch Quảng Ninh (tiền thân là Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh).

Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh chính thức bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2014 theo Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100104 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký ngày 31/12/2013.

Công ty có chức năng nhiệm vụ khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; lập qui hoạch, quản lý đầu tư cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 01 tháng 10 năm 1976 UBND Tỉnh Quảng Ninh công bố quyết định số 484 TC/UB ngày 3/8/1976, thành lập Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh trên cơ sở phê duyệt phương án tổ chức do Công Ty xây dựng Quảng Ninh lập ra tiền thân là sát nhập các xí nghiệp nước Hòn Gai, Cẩm Phả, Uông Bí, Ban kiến thiết Nước và các bộ phận xây lắp công trình nước của Công ty lắp máy điện và thi công cơ giới.

Công ty được thành lập lại theo Nghị định số 388 HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng tại Quyết định số 2570 QĐ/UB ngày 04 tháng 12 năm 1992. Công ty được chuyển từ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh sang doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích tại Quyết định 1066 QĐ/UB ngày 09/4/1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh

Ngày đầu thành lập, cơ sở vật chất của Công ty còn nghèo nàn và lạc hậu. Tổng công suất thiết kế các nguồn nước chỉ đạt 5.000$m^3$/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước giếng ngầm. Tổng số mạng lưới cấp nước cấp 1 - 2 trên 30 Km, và 25 km ống phân phối cấp 3. Mức độ bao phủ cấp nước từ 10 đến 15%. Chất lượng nước không qua xử lý đặc biệt là không có hệ thống đồng hồ đo đếm lưu lượng nước cung cấp và tiêu thụ.

Trải qua gần 40 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành đặc biệt từ năm 1986 khi cả nước chuyển mình trong thời kỳ đổi mới, Công ty đã không ngừng lớn mạnh. Độ phủ cấp nước 100% ở khu đô thị, nơi cao xa trên 75%, xây dựng thêm nhiều nhà máy nước công suất lớn, hiện đại đạt 150.000m3/ngđ, mạng lưới tuyến ống trên 68.000km, chất lượng nước đảm bảo theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước.

**** Tôn chỉ hoạt động của Cty:***

**MỘT GIÁ TRỊ, MỘT NIỀM TIN**

**KHÁCH HÀNG LÀ SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY**

### 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh có đặc điểm sản xuất khác so với một số loại hình doanh nghiệp khác, sản phẩm chính ở đây là nước sạch, không chỉđơn thuần là việc kinh doanh mà còn mang tính xã hội cao, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống dân sinh trên địa bàn toàn Tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch của địa phương, số lượng và chất lượng nước sạch là nhiệm vụ, trách nhiệm.

Với một quy trình công nghệ khép kín để có thành phẩm là nước sạch, cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất, nước tự nhiên được Công ty khai thác qua một quy trình công nghệ liên tục từ khâu này đến khâu khác không có sự ngắt quãng. Có thể khái quát quá trình sản xuất qua sơ đồ sau:

***Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất nước sạch***

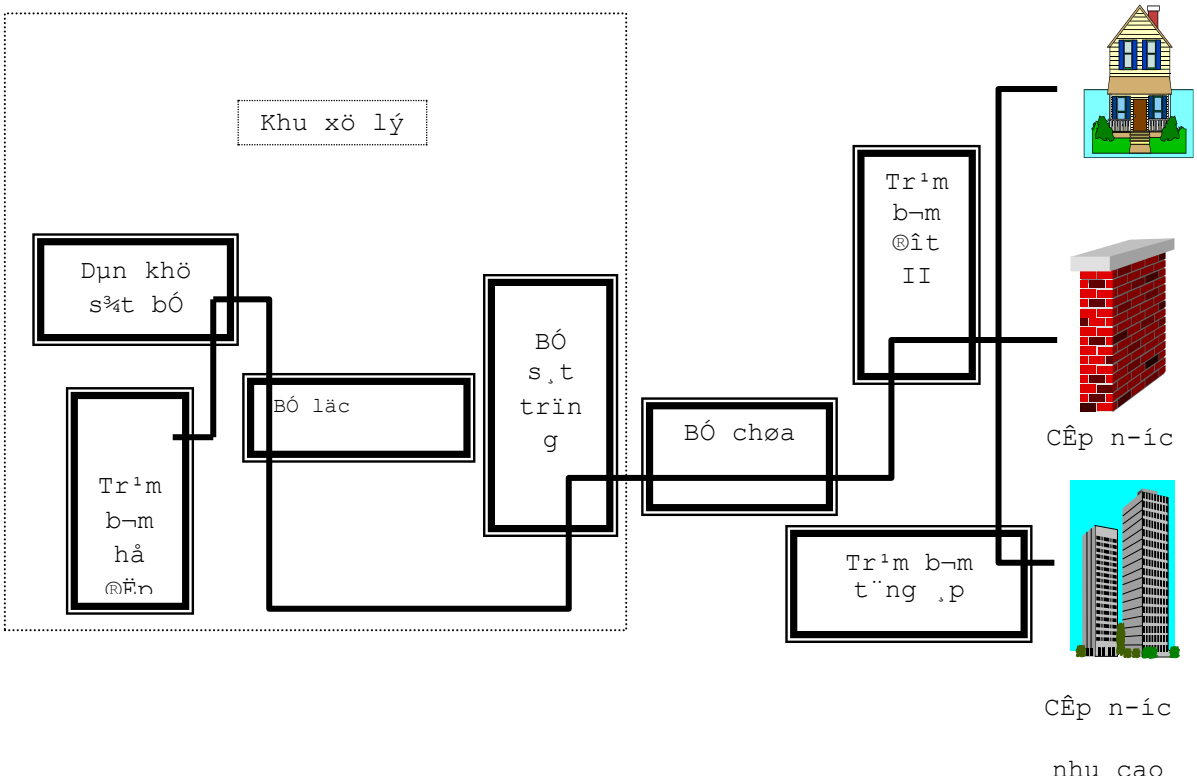


Từ các hồ chứa nước, nước được bơm tại TB cấp I lên theo đường ống truyền dẫn nước thô về nhà máy. Tại nhà máy, nước được đưa vào bể lắng, bể lọc, bể phản ứng, bể hoá chất để khử trùng, khử sắt và mangan. Quá trình này được biểu diễn theo 2 phương trình hoá học sau :

- Khử sắt II ( Fe++ ) thành sắt III ( Fe+++ ) : $4\ FeO + O_2 = 2\ Fe_2O_3$
- Khử mangan ( Mn ++) thành mangan III ( Mn +++): $4\ MnO + O_2 = 2\ Mn_2O_3$

Sau đó, nước được dẫn vào bể lắng để loại các chất cặn to nhờ quá trình hình thành kết tủa, rồi được tiếp tục dẫn sang bể lọc để loại bỏ nốt các cặn nhỏ. Khi nước đã đạt đến độ trong tiêu chuẩn, người ta làm sạch nước (khử trùng bằng clo hoặc zaven ) nồng độ 0,7 gam/m3 để diệt trừ các loại vi khuẩn và thực vật. Cuối cùng, nước sạch được tích lại ở bể chứa.Trạm bơm đợt 2 có nhiệm vụ bơm nước sạch từ bể chứa vào mạng lưới cung cấp của thành phố phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, dịch vụ.

Qua qui trình công nghệ cho thấy từ khâu đầu đến khâu cuối diễn ra một cách liên tục. Xét đến điều kiện kinh tế và thực tế ở Việt Nam thì đây là một quy

trình xử lý nước với công nghệ thông dụng, đơn giản,phù hợp với hầu hết các nguồn nước ở Việt Nam.

Các máy móc hiện đang sử dụng như máy biến tần, máy bơm, máy biến thế, máy hàn... là các máy có tuổi thọ, thời gian sử dụng ngắn, Công ty phải có kế hoạch đầu tư thay thế mới, tuy nhiên giá trị đầu tư này là không lớn và không tập trung. Các công trình sử lý nước của các nhà máy nước Đồng mây, Diễn vọng, Kim tinh mới đước đầu tư trong những năm gần đây (2013-2014), Các công trình này được đầu tư theo dự án có vốn ngân sách và vay vốn nước ngoài nên có công nghệ tiên tiến và thời gian sử dụng còn dài nên có thể đảm đương được các nhiệm vụ cung cấp nước của Công ty trong những năm tới, đây là điều hết sức thuận lợi cho Công ty trong quá trình kinh doanh

Trong những năm tiếp theo để nâng cao chất lượng nước sạch cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các khu công nghiệp Đông mai, Texhong... Quảng Ninh không chỉ cần có số vốn đầu tư lớn mà còn cần tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chuyển giao công nghệ tiên tiến cho các nhà máy nước, chú trọng đầu tư theo chiều sâu.

**2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.**

- Hình thức tổ chức sản xuất: Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh tổ chức sản xuất theo mô hình trực tuyến - chức năng từ trên xuống. Mô hình giúp cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty phát huy được khả năng, sở trường của bản thân, đảm bảo cho sự chỉ đạo trực tuyến kịp thời quyết định của Giám đốc xuống các đơn vị trong Công ty có sự tham mưu của các phòng ban chức năng trong Công ty.
- Kết cấu sản xuất:

- Mô hình tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành 4 cấp, bao gồm Hội đồng quản trị, ban Giám đốc, các phòng ban tham mưu và các trạm, xí nghiệp trực thuộc.
- Đứng đầu Công ty là Giám đốc, là đại diện có tư cách pháp nhân của Công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Giám đốc điều hành bộ máy quản lý của Công ty theo chế độ thủ trưởng và tập trung quyền hạn.
- Giúp việc cho Giám đốc là các phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực về sản xuất kinh doanh, tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý và

ra quyết định, nhận uỷ quyền điều hành công việc sản xuất khi Giám đốc vắng mặt.

- Giúp việc về mặt tài chính có kế toán trưởng là người đứng đầu trong bộ máy kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm theo điều lệ kế toán trưởng.

***Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh***

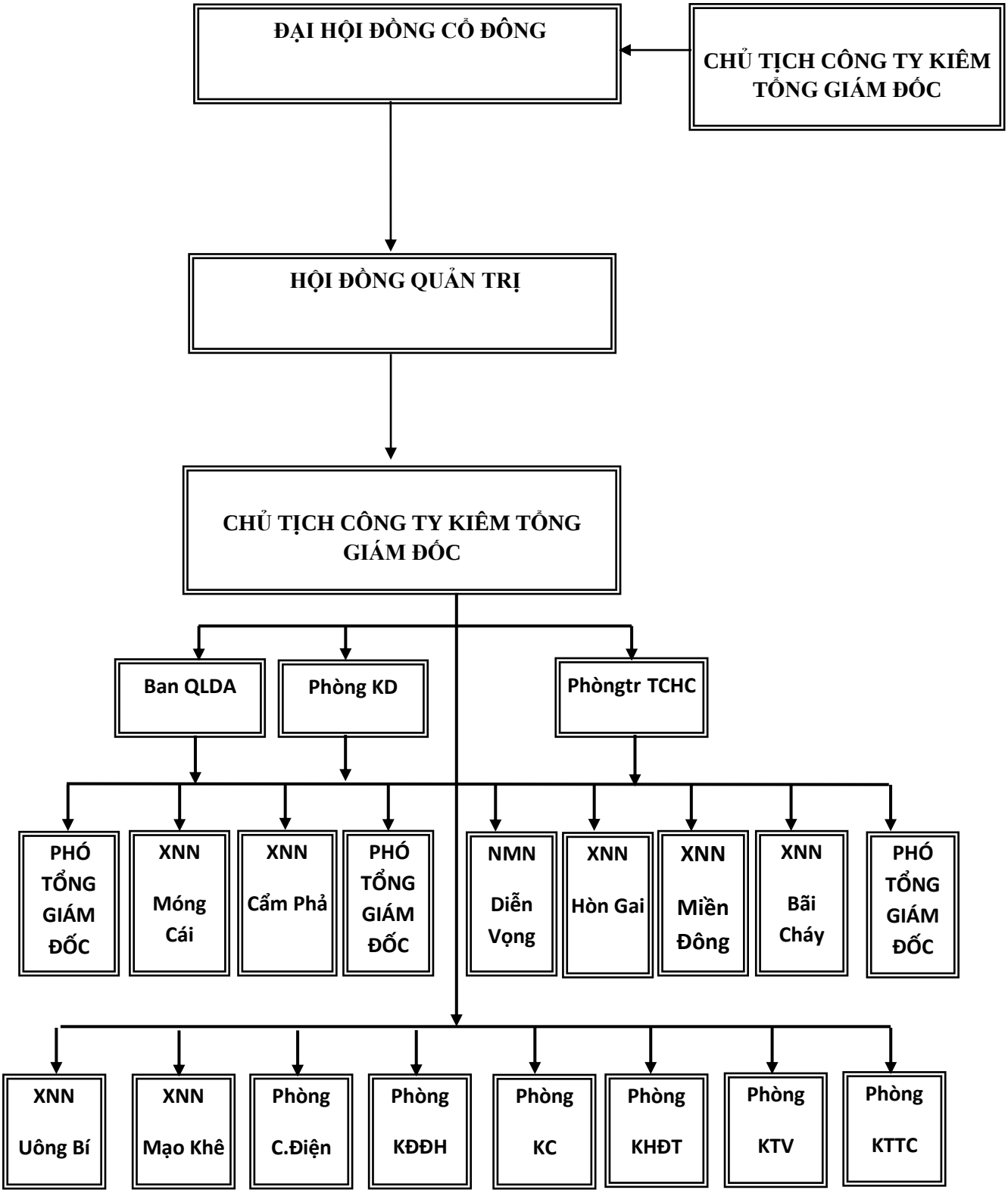

**** Ban giám đốc :***

- Gồm 1 Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc và 3 Phó Tổng giám đốc.

- Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc: Là người đứng đầu Công ty được UBND tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước Hội đồng quản trị, thực
- hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đối với Nhà nước, tổ chức thực hiện các hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, theo sự phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị và của Tổng công ty.
- Các phó Tổng Giám đốc: Phó tổng giám đốc là người giup việc và tham mưu cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được tổng giám đốc phân công.

**** Các phòng ban nghiệp vụ chức năng :***

- Các phòng này có nhiệm vụ giúp ãnh đạo Công ty triển khai, giám sát tình hình hoạt động của toàn Công ty, đảm bảo cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định gồm:

- Phòng Tổ chức – Hành chính: Là phòng nghiệp vụ công tác tổ chức tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch quản lí nguồn nhân lực, kế hoạch đào tạo cán bộ công nhân viên toàn Công ty. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động như: BHXH, BHYT, chế độ hưu trí, chế độ tiền lương, tiền thưởng, các cơ chế hoạt động của Công ty…
- Phòng Kế hoạch – Đầu tư: Là phòng nghiệp vụ lập kế hoạch sản xuất nước hàng quý, năm Kế hoạch sử dụng các nguồn vốn đầu tư, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định; Định kỳ lập báo cáo tổng hợp động sản xuất kinh doanh của Công ty để giúp lãnh đạo công ty nắm bắt có định hướng phát triển sản xuất tốt nhất; báo cáo các ngành, UBND Tỉnh theo qui định.
- Phòng Tài chính-Kế toán: Chịu trách nhiệm hạch toán kế toán công tác tài chính của Công ty theo chế độ Nhà nước hiện hành. Thiết lập và quản lí hệ thống kế toán từ Công ty xuống các đơn vị thành viên, hướng dẫn đơn

vị trực thuộc các  nghiệp vụ kế toán. Xây dựng kế hoạch thu chi, kế hoạch sử dụng các nguồn vốn để đầu tư phát triển Công ty. Hàng năm tập hợp chi phí tính giá thành từng đối tượng và hạch toán lỗ lãi, lập báo cáo tài chính theo qui định Nhà nước.

- Phòng kinh doanh: Là phòng nghiệp vụ chuyên quản lí khách hàng sử dụng máy nước, hàng năm xây dựng kế hoạch doanh thu tiền nước, kế hoạch phát triển khách hàng; Quản lí toàn bộ đồng hồ đo nước của Công ty và khách hàng để giám sát lượng nước cấp, giá bán nước cho từng đối tượng và in hoá đơn và theo dõi thu  tiền nước.
- Phòng Kĩ thuật – vật tư: chuyên quản lí kĩ thuật ngành nước, xây dựng kế hoạch áp dụng tiến bộ KHKT đề tài sáng kiến và cải tiến kĩ thuật chuyên ngành nước và công tác sản xuất nước, định mức tiêu hao nguyên vật kiệu cho sản xuất nước, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...
- Phòng Kiểm tra chống thất thoát: Thanh kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước, qui định, qui chế của Công ty đến từng đơn vị; kiểm tra xử phạt các trường hợp vi phạm quy chế, vi phạm hợp đồng sử dụng nước, kiểm tra chống thất thoát thất thu trên địa bàn toàn Tỉnh
- Phòng kiểm định đồng hồ: Thực hiện công tác quản lý, lắp đặt, sử dụng, sửa chữa đồng hồ, thực hiện pháp lệnh đo lường đối với đồng hồ nước lạnh do công ty quản lý. Lập kế hoạch dài hạn, kế hoạch từng tháng, quý, năm và thực hiện việc kiểm định định kỳ, đột xuất đồng hồ đo nước lạnh trong phạm vi được ủy quyề.
- Ban quản lý dự án cấp nước: Tham mưu cho ban lãnh đạo và quản lý các dự án cấp thoát nước của Công ty theo kế hoạch đầu ra.
- Trung tâm tư vấn thiết kế xây dựng cấp thoát nước: Tư vấn, thiết kế, lập dự án các công trình. Giám sát tư vấn thi công lắp đặt. Lập và thẩm định các dự án cấp thoát nước.Nghiên cứu  lập đánh giá báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Các xí nghiệp nhà máy trực thuộc công ty: Sản xuất khai thác, kinh doanh nước sạch, thiết kê, thi công lắp đặtvà sửa chữa các công trình hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý theo phân cấp của Công ty. Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiệncác chỉ tiêu kế hoạch Công ty giao hàng năm;

hạch toán kế toán theo phân cấp của công ty và đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách của nhà nước đối với người lao động.

### 2.1.4. Các thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm gần đây

*2.1.4.1. Số liệu về kết quả tiêu thụ sản phẩm , dịch vụ*

Sản phẩm là khâu cuối cùng để xác định hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định. Việc đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm sẽ giúp ta hiểu rõ hơn hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua.

Tại Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh, từ tháng 7/2012 đến nay áp dụng khung giá bán nước sạch theo quyết định số 1582/QĐ-UBND Tỉnh ngày 27/6/2012 của UBND Tỉnh, đến nay vẫn chưa được điều chỉnh tăng giá theo lộ trình, giá bán hiện nay cho từng mục đích sử dụng cụ thể như sau

- Các hộ dân: luỹ tiến từ : 6.200- 7.800đ/m3
- Cơ quan hành chính, công cộng: : 7.800đ/m3
- Đơn vị sự nghiệp : 9.300đ/m3
- Hoạt động vật chất : 10.100đ/m3
- Kinh doanh dịch vụ, du lịch :14.000đ/m3
- Nước cung ứng tàu biển :19.000đ/m3

*( Giá bán trên chưa có thuế VAT)*

**** Tình hình tiêu thụ sản phẩm theo mặt hàng***

***Bảng 2.1. Bảng phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm theo mặt hàng***

| TT | Nhóm hàng | Năm 2015 | | Năm 2016 | | So sánh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sản lượng (1000m3) | Doanh thu (trđ) | Sản lượng (1000 m3) | Doanh thu (trđ) | Giá trị | Tỷ lệ % |
| 1 | Nước sạch | 37.269 | 309.440 | 40.133 | 333.218 | 23.778 | 7,68 |
| 2 | Phát triển mạng, xây lắp | | 10.220 | | 10.992 | 772 | 7,6 |
| 3 | Dịch vụ khác | | 4.582 | | 3.443 | -1.139 | -25,0 |
| | **Cộng** | | **324.242** | | **347.653** | **23.411** | **7,22** |

Bảng phân tích cho thấy tổng doanh thu có xu hướng tăng mạnh. Năm 2014 đạt 324.242 triệu đồng, năm 2016 đạt 347.653 triệu đồng, tăng 23.411 triệu đồng so với năm 2015, tương ứng với tỷ lệ tăng 7,22%. Nguyên nhân là do sản lượng nước sạch sản xuất và tiêu thụ tiếp tục tăng: 2.864.000m3, dẫn đến doanh thu tiêu thụ từ sản phẩm nước sạch chiếm giá trị lớn nhất với giá trị đạt 309.440 triệu đồng vào năm 2015 và tăng lên đạt 333.218 triệu đồng vào năm 2016, tăng 7,68% so với năm 2015, điều này là hoàn toàn hợp lý vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch; Doanh thu phát triển mạng, xây lắp cũng có tốc độ tăng khá: 7,6%. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 là rất tốt. Dịch vụ khác giảm chủ yếu là do giảm doanh thu nước uống tinh khiết do giá vốn hàng bán quá cao, Công ty không mở rộng sản xuất và tiêu thụ mặt hàng này.

**** Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm theo khách hàng***

***Bảng 2.2. Bảng phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm nước sạch theo đối tượng sử dụng***

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Đối tượng sửdụng | Năm 2014 | Năm 2016 | So sánh | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Giá trị | Tỷ lệ % |
| 1 | Các hộ dân | 186.961 | 200.267 | 13.306 | 7,11 |
| 2 | Doanh nghiệp | 118.424 | 128.733 | 10.309 | 7,70 |
| 3 | Tiêu dùng nội bộ | 4.055 | 4.218 | 163 | 4,00 |
| | **Cộng** | **309.440** | **333.218** | **23.778** | **7,68** |

Bảng phân tích cho thấy sản phẩm nước sạch của Công ty chủ yếu được bán cho các hộ dân, đây là nhóm khách hàng mang lại doanh thu nhiều nhất cho Công ty, ngoài ra nhóm khách hàng là các doanh nghiệp cũng đóng góp giá trị lớn vào doanh thu.

*2.1.4.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Để kiểm soát được hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của Công ty cần phải xem xét tình hình biến động cuả các khoản mục trong báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó có những biện pháp khắc phục nhằm đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

***Bảng 2.3: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh năm 2015-2016***

| TT | Chỉ tiêu | MS | TM | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.25 | 347.653.017.694 | 378.354.049.375 |
| 2 | Các khoản giảm trừ | 2 | | | |
| 3 | Doanh thu thuần về BH và CC DV | 10 | | 347.653.017.694 | 378.354.049.375 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.27 | 278.904.452.504 | 302.634.802.030 |
| 5 | Lợi nhuận gộp từ HĐKD (20=10-11) | 20 | | 68.748.565.190 | 75.719.247.345 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.26 | 622.484.831 | 1.212.476.117 |
| 7 | Chi phí hoạt động tài chính | 22 | VI.28 | 10.092.532.549 | 10.021.232.468 |
| - | *Lãi vay* | *23* | | *10.092.532.549* | *10.021.232.468* |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 | | 670.344.788 | 860.573.735 |
| 9 | Chi phí quản lí DN | 25 | | 32.873.925.748 | 32.524.427.925 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 30 | | 25.734.246.936 | 33.525.489.334 |
| 11 | Thu nhập khác | 31 | | 1.916.862 | 295.668.413 |
| 12 | Chi phí khác | 32 | | 1.357.049.068 | 7.397.212.049 |
| 13 | Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (1.355.132.206) | (7.101.543.636) |
| 14 | Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40) | 50 | | 24.379.114.730 | 26.423.945.698 |
| 15 | Thuế thu nhập hiện hành | 51 | VI.30 | 5.168.955.241 | 5.614.897.242 |
| 16 | Thuế thu nhập hoãn lại | 52 | VI.30 | | |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52) | 60 | | 19.210.159.489 | 20.809.048.456 |

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh có thể thấy tình hình kinh doanh của Công ty hoạt động hiệu quả , lợi nhuận nâm 2016 cao hơn 20 tỷ đồng, tăng hơn 1,5 tỷ so với năm 2015.Doanh thu và cung cấp dịch vụ năm 2016 tăng hơn 30 tỷ đồng so với năm 2015. Công ty cần phải phát huy những điểm mạnh và hạn chế những điểm yếu để đạt kết quả cao hơn nữa.

### 2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty

*2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán*

Phòng Kế toán của Công ty có 08 người, 100% đã tốt nghiệp chuyên ngành kế toán, trong đó có 07 người tốt nghiệp trình độ đại học ; 01 người tốt nghiệp hệ trung cấp. Tất cả họ đều có thâm niên trong nghề kế toán, cùng với sự nhiệt tình và trách nhiệm cao, nên công tác kế toán của Công ty rất tốt, cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp.

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh được tổ chức mô hình hỗn hợp. Các đơn vị trực thuộc tập hợp chứng từ ban đầu, hạch toán báo sổ định kỳ truyền dữ liệu về Công ty. Mọi hoạt động của Kế toán chịu sự quản lý của kế toán trưởng, theo dõi, giám sát phần hành của Phòng kế toán Công ty đối với các xí nghiệp, nhà máy trực thuộc.

***Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán của Công ty***

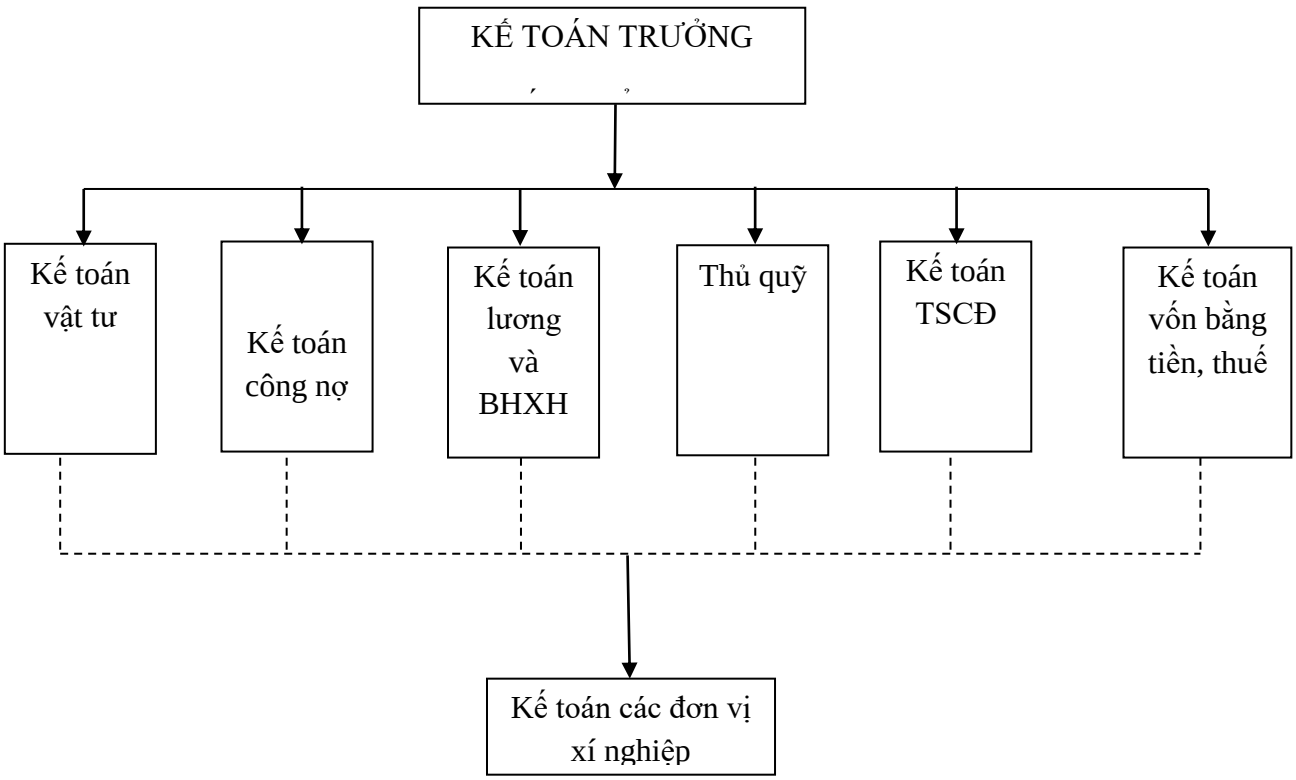


**Ghi chú:** ⟶ Quan hệ cấp trên - cấp dưới

---------- Quan hệ tác nghiệp

- ***Kế toán trưởng – Kế toán tổng hợp:*** Có trách nhiệm xây dựng hệ thống tổ chức nghiệp vụ tại Phòng Kế toán tài chính. Xây dựng trình tự luân chuyển các chứng từ kế toán, các sổ sách kế toán, cập nhật các chính sách kế toán mới, áp dụng vào Công ty.Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và cơ quan cấp trên về công tác hạch toán kinh doanh, tổ chức phân tích hoạt động kinh tế. Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ đối với người lao động, nghĩa vụ với nhà nước.Tập hợp các chi phí phân loại chi phí. Hàng ngày kiểm soát các nghiệp vụ kinh tếkế toán phát sinh, các chứng từ ban đầu tại Văn Phòng và do các đơn vị, các phần hành kế toán khác chuyển sang như: Nhập, xuất vật tư, Thu chi tiền mặt, ngân hàng, phân bổ công cụ dụng cụ, khấu hao, theo dõi hướng dẫn việc hạch toán đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Định kỳ kiểm soát chứng từ ban đầu, kết chuyển chi phí, lên báo cáo tổng hợp toàn Công ty
- ***Kế toán TSCĐ:***Theo dõi và lập các chứng từ mua bán, nhập xuất, tồn kho nguyên vật liệu, lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong

kỳ . Theo dõi tình hình biến động tăng giảm tài sản cố định hữu hình, phân bổ khấu hao tài sản cố định.

- ***Kế toán vật tư:*** Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ hoá đơn phát sinh về , NVL, kế toán nhập xuất vật tư, hạch toán tăng giảm theo đúng trình tự thủ tục và hạch toán đúng qui định
- ***Kế toán công nợ***: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình phát sinh các khoản công nợ phải thu, phải trả. Đôn đốc thu nợ các khoản nợ đến hạn phải thu, tham mưu, đề xuất cho kế toán trưởng các khoản công nợ sắp đến hạn trả và đến hạn trả . Hàng ngày kế toán công nợ theo dõi , các chứng từ trực tiếp phát sinh do kế toán công nợ đảm nhận và kiểm tra, theo dõi sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả. Khi có các nghiệp vụ thanh toán, kế toán công nợ kết hợp với kế toán vốn bằng tiền, kế toán thực hiện nhiệm vụ thanh toán.
- ***Kế toán lương và BHXH:*** Theo dõi, tập hợp bảng chấm công tại các phòng ban, tính toán lập bảng tính lương, sổ lương, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội theo đúng đối tượng hạch toán. Chuyển chứng từ thanh toán lương cho bộ phận kế toán vốn bằng tiền làm thủ tục thanh toán lương cho người lao động, lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội cho bộ phận kế toán tổng hợp tính toán giá thành sản phẩm; Nhận và thanh toán cho người lao động chế độ ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức, định kỳ lập và quyết toán với cơ quan bảo hiểm xã hội,
- ***Thủ quỹ:*** Theo dõi tình hình thu chi quỹ tiền mặt tại đơn vị. Hàng ngày nhận các phiếu thu - chi từ bộ phận kế toán vốn bằng tiền, thủ quỹ tiến hành kiểm tra và thanh toán tiền cho khách hàng, cho nội bộ Công ty. Cuối tháng thủ quỹ và kế toán vốn bằng tiền tiến hành kiểm kê quỹ, đối chiếu phát sinh thu chi để đảm bảo cho số liệu khớp với nhau.
- ***Kế toán vốn bằng tiền, thuế:*** Thực hiện việc thanh toán tiền cho người mua, thu tiền do khách hàng thanh toán. Chi thanh toán các khoản dịch vụ trực tiếp mua ngoài, thanh toán các chế độ cho người lao động; Theo dõi và báo cáo thường xuyên số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền vay tại Văn phòng Công ty và các đơn vị; Nộp thuế phí cho nhà nước đúng, đủ .

Như vậy có thể thấy bộ máy kế toán của Công ty có sự chuyên môn hóa cao, mỗi kế toán đảm nhiệm một phần hành nhất định, điều này giúp cho công tác kế toán luôn nhanh chóng, chính xác, kịp thời cung cấp số liệu phục vụ.

*2.1.5.2. Chế độ kế toán , chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.*

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định : Tài sản cố định được theo dõi , quản lý và khấu hao theo thông tư số 45/TT-BTC ngày 24/5/2013 , mọi tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ hàng năm áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. TSCĐ tại Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh được theo dõi , quản lý theo tùng tổ trạm , đơn vị.
- Hình thức kế toán áp dụng : Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

## 2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

### 2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua , người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp, khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, vấn đề công tác kế toán thanh toán lại càng quan trọng, giải quyết tốt vấn đề thanh toán là một cách đẩy mạnh hoạt dộng kinh doanh phát triển, cần tìm hiểu thật kỹ về phương thức thanh toán, hình thức thanh toán tại Công ty để hoàn thành tốt công tác thanh toán.

- ***Phương thức thanh toán*** **:**Là cách thức chi trả cho hợp đồng mua bán nước được sự thống nhất của bên bán và bên mua. Đối với thanh toán trong nước thông thường có 2 phương thức thanh toán là: thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- **Thanh toán trực tiếp:**Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán

bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)…

- **Thanh toán chậm trả:** Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Thời gian quy cách thanh toán được quy định trong hợp đồng.

- **Đối với người mua:** Tại công ty áp dụng phương thức thanh toán trực tiếp đối với các khách hàng cá nhân, hộ gia đình. Phương thức chậm trả được áp dụng với các doanh nghiệp.
- **Đối với người bán:** Công ty thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp khimua NVL với số lượng ít. Khi mua NVL số lượng lớn thì công ty áp dụng phương thức chậm trả.

❖ ***Hình thức thanh toán:*** : Tại Công ty Cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh có 2 hình thức thanh toán là : thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản.

**2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.**

- Chứng từ , tài khoản và sổ sách sử dụng :

❖ Hóa đơn giá trị gia tăng.
❖ Hợp đồng mua bán hàng hóa.
❖ Phiếu thu
❖ Giấy báo có.
❖ Các chứng từ khác lien quan.

- Tài khoản sử dụng :

❖ TK 131 : Phải thu khách hàng

- Sổ sách sử dụng :

❖ Sổ nhật ký chung
❖ Sổ chi tiết TK 131
❖ Sổ cái TK 131
❖ Bảng tổng hợp chi tiết TK 131
❖ Quy trình hạch toán:

***Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.***

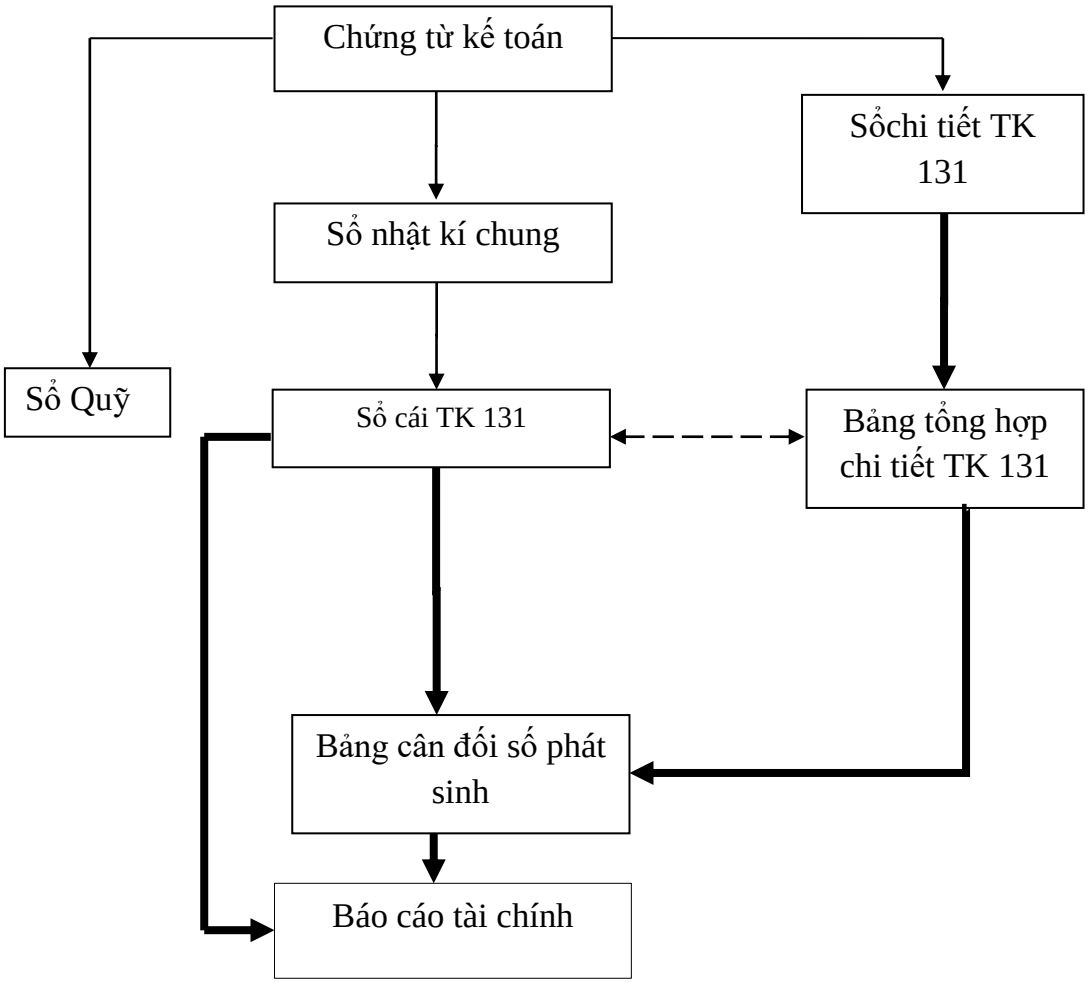


**Ghi chú:**

**Ghi hàng ngày** : ⟶

**Ghi định kỳ** : ⟹

**Kiểm tra, đối chiếu** : ⟷

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, 511, 3331…, đông thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK131.
- Cuối kỳ, các số liệu trên sổ cái được cộng lại để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng để lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131 . Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131 được sử dụng lập BCTC.

**Ví dụ 1*:*** Ngày 28/11/2016: Bán nước đóng chai loại 2 cho DNTN Trần Hường theo hóa đơn số 130:

**ĐK:** Nợ TK 131 : 3.850.000
Có TK 511 : 3.500.000
Có TK 3331 : 350.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái các TK 131, TK 511, TK 333.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 131 , sổ cái TK 131 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000130:**

**HOÁ ĐƠN** Mẫu số: 01 GTKT2/002
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Ký hiệu: BB/14P
**Liên 3 : Lưu Nội Bộ** Số: 0000130
**Ngày 28 tháng 11 năm 2016**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101104

Địa chỉ: Số 449, đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, Tp.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại/Fax: 0333.3836.246

Số tài khoản: 102010000221960

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Trần Hường

Mã số thuế :5700540296

Địa chỉ: Số 536, phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:.....

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Nước đóng chai (loại 2) | chai | 10 | 350.000 | 3.500.000 |
| | | | Cộng tiền hàng: | | 3.500.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 350.000 |
| | | | Tổng cộng tiền thanh toán | | 3.850.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

(Cần kiểm tra, đối chiêu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**Ví dụ 2**: Ngày 15/10/2016 Công ty TNHH Khánh An thanh toán công nợ tháng 9 cho Công ty bằng chuyển khoản số tiền 70.000.000đ.

**ĐK:** Nợ TK 112 : 70.000.000

Có TK 131 : 70.000.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, TK 112.

Căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.2: Giấy báo có của ngân hàng.**

VietinBank
Nâng giá trị cuộc sống

# GIẤY BÁO CÓ

Ngày 15/10/2016 Số GD: 621

Kính gửi : Công ty Cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101104

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có : 102010000221960

Số tiền bằng số : 70.000.000

Số tiền bằng chữ : Bảy mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : Công ty TNHH Khánh An thanh toán công nợ

GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

**Ví dụ 3:** Ngày 23/11/2016: Bán nước đóng chai loại 1 cho Công ty Khánh An theo hóa đơn số 117:

**ĐK:** Nợ TK 131 : 5.500.000
Có TK 511 : 5.000.000
Có TK 3331 : 500.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái các TK 131, TK 511, TK 333.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000117:**

**HOÁ ĐƠN** Mẫu số: 01 GTKT2/002
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Ký hiệu: BB/14P
**Liên 3 : Lưu Nội Bộ** Số: 0000117
**Ngày 23 tháng 11 năm 2016**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101104

Địa chỉ: Số 449, đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, Tp.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại/Fax: 0333.3836.246

Số tài khoản: 102010000221960

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Khánh An

Mã số thuế :5700232598

Địa chỉ: Số 125, phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:.....

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Nước đóng chai (loại 1) | chai | 10 | 500.000 | 5.000.000 |
| | | | Cộng tiền hàng: | | 5.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 500.000 |
| | | | Tổng cộng tiền thanh toán | | 5.550.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**Ví dụ 4:** Ngày 3/12/2016: DNTN Trần Hường thanh toán công nợ tháng 11 cho Công ty bằng chuyển khoản số tiền 30.000.000đ.

**ĐK:** Nợ TK 112 : 30.000.000

Có TK 131 : 30.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, TK 112.

Căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết TK 131.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.4: Giấy báo có của ngân hàng**

VietinBank

# GIẤY BÁO CÓ

Ngày 03/12/2016 Số GD: 751

Kính gửi : Công ty Cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101104

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có : 102010000221960

Số tiền bằng số : 30.000.000

Số tiền bằng chữ : Ba mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : DNTN Trần Hường thanh toán công nợ

GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

## Biểu số 2.5 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2016:

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh** **Mẫu số S03a-DN**

Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN TT số: 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của

Bộ Tài chính

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Năm 2016* Đơn vị tính: đồng

| STT | Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải TK đối ứng | Số hiệu TK đối ứng | | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số hiệu | Ngày, tháng | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| ….. | ……. | ……. | …… | ……. | …. | ….. | …… | ……. |
| 69 | 15/10/ 2016 | GBC62 1 | 15/10/2 016 | Công ty TNHH Khánh An thanh toán công nợ T9 | 112 | 131 | 70.000.000 | 70.000.000 |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ..... | ..... |
| 80 | 23/11/ 2016 | GTGT0 000117 | 23/11/2 016 | Bán nước đóng chai loại 1 cho công ty Khánh An | 131 | 511 3331 | 5.500.000 | 5.000.000 500.000 |
| ….. | ... | ... | ... | ..... | ... | ... | ..... | ... |
| 89 | 30/11/ 2016 | GTGT0 000130 | 30/11/2 016 | Bán nước đóng chai loại 2 cho DNTN Trần Hường | 131 | 511 3331 | 3.850.000 | 3.500.000 350.000 |
| … | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ..... | ... |
| 100 | 03/12/ 2016 | GBC75 1 | 03/12/2 016 | DNTN Trần Hường thanh toán công nợ T11 | 112 | 131 | 30.000.000 | 30.000.000 |
| ….. | ... | ... | ..... | ..... | ... | ... | ..... | ..... |
| | | | | **Tổng cộng** | | | **138.793.260.077** | **138.793.260.077** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

**Người ghi sổ** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

## Biểu 2.6: Trích sổ cái tài khoản 131:

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**Mẫu số S03b-DN**
TT số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**SỔ CÁI**
Năm 2016
Tên tài khoản: Phải thu khách hàng
Số hiệu: 131

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | **9.828.273.177** | - |
| … | …. | … | …. | … | … | … |
| 15/10/ 2016 | GBC 621 | 15/10/ 2016 | Công ty TNHH Khánh An thanh toán công nợ T9 | 112 | | 70.000.000 |
| … | …. | … | …. | … | … | … |
| 23/11/ 2016 | GTGT 0000117 | 23/11/ 2016 | Bán nước đóng chai loại 1 cho Công ty TNHH Khánh An | 511 3331 | 5.000.000 500.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/11/ 2016 | GTGT 0000130 | 30/11/ 2016 | Bán nước đóng chai loại 2 cho DNTN Trần Hường | 511 3331 | 3.500.000 350.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 3/12/ 2016 | GBC 751 | 03/12/ 2016 | DNTN Trần Hường thanh toán công nợ T11 | 112 | | 30.000.000 |
| …….. | ……. | …….. | …….. | ….. | …… | ……. |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **4.146.464.120** | **1.683.507.276** |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | **12.291.230.021** | |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

**Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng – Công ty TNHH Khánh An:**

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**Mẫu số S31-DN**
TT số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**SỔ CHI TIẾT THANH TÀI KHOẢN 131**

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng
Đối tượng: Công ty TNHH Khánh An
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | | **90.400.148** | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 4/9/2016 | GTGT 0000104 | 4/9/2016 | Bán nước đóng chai loại 3 cho công ty Khánh An | 511<br>333 | 2.000.000<br>200.000 | | 71.246.134 | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 15/10/2016 | GBC621 | 12/10/2016 | Thu nợ tháng 9 | 112 | | 70.000.000 | 64.165.124 | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 23/11/2016 | GTGT 0000117 | 23/11/2016 | Bán nước đóng chai loại 1cho công ty Khánh An | 511<br>333 | 5.000.000<br>500.000 | | 51.485.124<br>51.985.124 | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **458.812.787** | **241.548.126** | | |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | | | **307.664.809** | |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

**Biểu số 2.8:Sổ chi tiết phải thu khách hàng – DNTN Trần Hường:**

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**Mẫu số S31-DN**
TT số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131**

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng
Đối tượng: DNTN Trần Hường
Năm 2016

Đơn vị tính :đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | | **20.145.130** | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 8/10/2016 | GBC701 | 8/10/2016 | Thu nợ tháng 9 | 112 | | 15.000.000 | 14.216.412 | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 30/11/2016 | GTGT 0000130 | 30/11/2016 | Bán nước đóng chai loại 2 cho DNTN Trần Hường | 511<br>333 | 3.500.000<br>350.000 | | 12.487.000<br>12.837.000 | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 3/12/2016 | GBC751 | 3/12/2016 | Thu nợ tháng 11 | 112 | | 30.000.000 | 10.441.144 | |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **50.146.467** | **42.241.215** | | |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | | | **28.050.382** | |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

Cuối kỳ căn cứ vào các sổ chi tiết thanh toán với người mua , kế toán lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua.

## Biểu số 2.9:Bảng tổng hợp phải thu khách hàng:

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131**

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Năm 2016

Đơn vị tính :đồng

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| … | … | … | … | .. | … | … | … |
| 3 | Công ty TNHH Khánh An | 90.400.148 | | 458.812.787 | 241.548.126 | 307.664.809 | |
| 4 | DNTN Trần Hường | 20.145.130 | | 50.146.467 | 42.241.215 | 28.050.382 | |
| 5 | Công ty Dịch vụ Hoàng Hà | 80.152.842 | | 124.527.825 | 95.126.478 | 109.554.189 | |
| 6 | Công ty CPTM ATL | 42.845.124 | | 54.157.681 | 12.554.866 | 84.447.939 | |
| 7 | Công ty TNHH Tùng Anh | 64.215.462 | | 75.422.165 | 76.684.369 | 62.953.258 | |
| 8 | Công ty điện tử PIP | 75.241.356 | | 100.573.135 | 80.411.248 | 95.403.243 | |
| … | … | … | … | .. | … | … | … |
| | **Cộng** | **9.828.273.177** | | **4.146.464.120** | **1.683.507.276** | **12.291.230.021** | |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

### 2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

- Chứng từ sử dụng để thanh toán với người bán bao gồm:

❖ Hợp đồng mua bán
❖ Hóa đơn giá trị gia tăng
❖ Giấy đề nghị thanh toán
❖ Giấy báo nợ của ngân hàng , ủy nhiệm chi
❖ Phiếu chi
❖ Các chứng từ liên quan

- Tài khoản sử dụng

❖ TK 331- Phải trả người bán

- Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán :

❖ Nhật ký chung
❖ Sổ chi tiết TK 331
❖ Sổ tổng hợp chi tiết TK 331
❖ Sổ cái TK 331

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.**

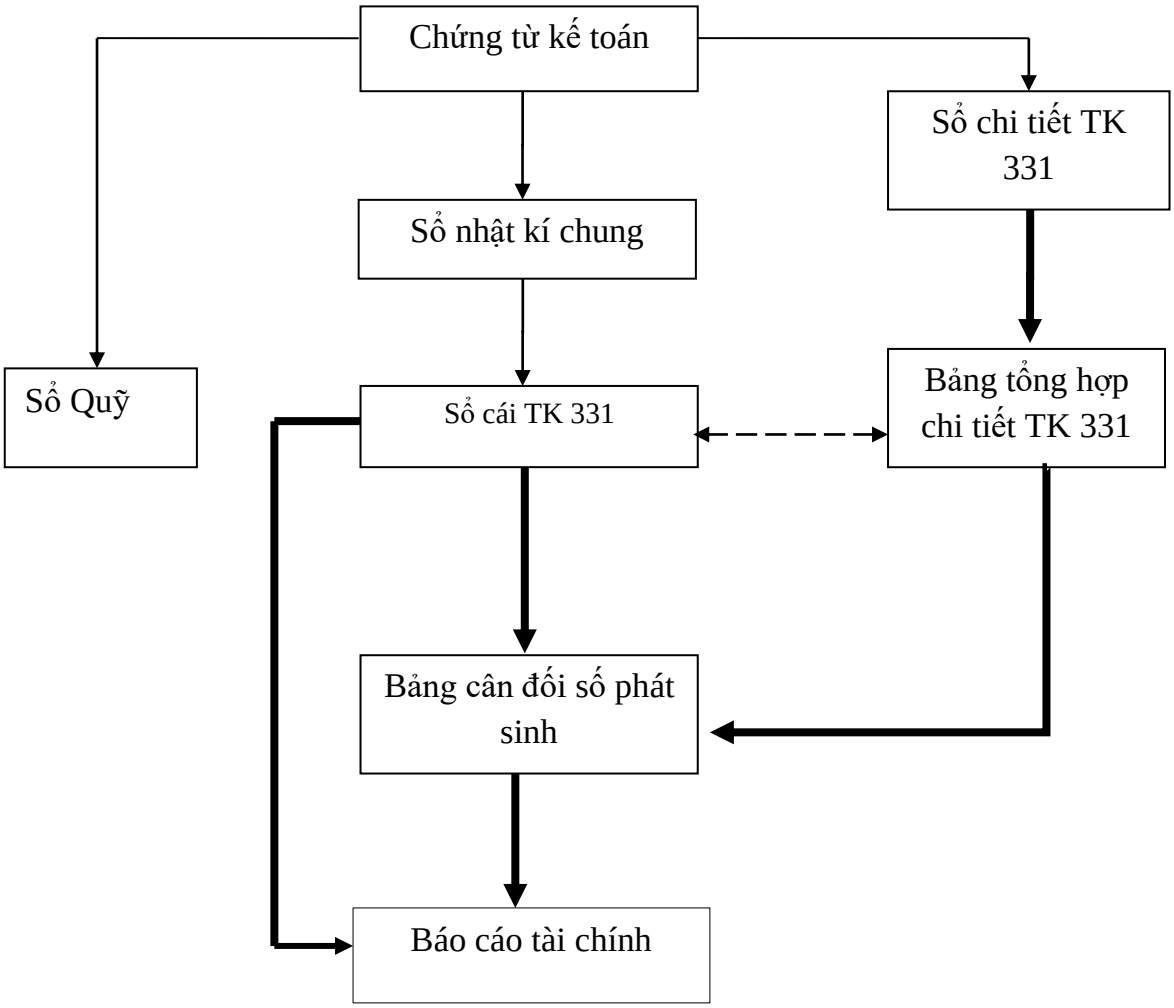


**Ghi chú:**

**Ghi hàng ngày** : ⟶

**Ghi định kỳ** : ⟹

**Kiểm tra, đối chiếu** : ⟷

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 331.133,152… đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết TK331.
- Cuối kỳ, các số liệu trên sổ cái được cộng lại để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 mở cho từng khách hàng để lập bảng tổng hợp chi tiết TK 331. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331, sổ cái TK 331 được sử dụng lập BCTC.

**Ví dụ 1:** Ngày 20/4/2016: Công ty nhập khí clo của công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ Thuật An Thịnh theo hóa đơn GTGT 0000155 với giá trị chưa thuế 10% là 79.000.000 đồng.

**ĐK:** Nợ TK 152 : 79.000.000

Nợ TK 133 : 7.900.000

Có TK 331 : 86.900.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 152,TK 133.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331, sổ cái TK 331 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu 2.10: Hóa đơn GTGT số 0000155:**

**HOÁ ĐƠN** Mẫu số: 01 GTKT3/002
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Ký hiệu: AA/15P
**Liên 2 : Giao cho khách hàng** Số: 0000155
**Ngày 20 tháng 04 năm 2016**

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh

Mã số thuế: 5700381575

Địa chỉ: Số 454, đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải , TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại/Fax:

Số tài khoản:102010001859290.

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Mã số thuế :5700101104

Địa chỉ: Số 449 , đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải , TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:.....

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Khí clo | viên | 50.000 | 1.580 | 79.000.000 |
| | | | Cộng tiền hàng: | | 79.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 7.900.000 |
| | | | Tổng cộng tiền thanh toán | | 86.900.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng.

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

**Ví dụ 2:**Ngày 21/6/2016: Công ty thanh toán tiền mua khí clo lỏng cho công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh bằng chuyển khoản:

**ĐK:** Nợ TK 331 : 20.000.000

Có TK 112 : 20.000.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 , sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331,TK 112

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 để lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331, sổ cái TK 331 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.11: Giấy báo nợ của ngân hàng**:

VietinBank

# GIẤY BÁO NỢ

Ngày 21/06/2016 Số GD: 478

Kính gửi : Công ty Cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700101104

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ : 102010000221960

Số tiền bằng số : 20.000.000

Số tiền bằng chữ : Hai mươi triệu đồng chẵn.

Nội dung : Công ty thanh toán tiền mua khí clo lỏng cho công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh

GIAO DỊCH VIÊN KIỂM SOÁT

**Biểu số 2.12 : Ủy nhiệm chi:**

# ỦY NHIỆM CHI

**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN** Lập ngày: 21/06/2016

**Phần do N.H ghi:**

| | |
|---|---|
| Tên đơn vị trả tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH.<br>Số tài khoản: 102010000221960<br>Tại Ngân hàng: VietinBank Chi nhánh: Hạ Long<br>TP: Quảng Ninh | TÀI KHOẢN GHI NỢ<br>102010000221960 |
| Tên đơn vị nhận tiền: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT AN THỊNH.<br>Số tài khoản: 102010001859290<br>Tại ngân hàng: VietinBank Chi nhánh: Quảng Ninh | TÀI KHOẢN GHI CÓ<br>102010001859290 |
| Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu đồng chẵn. | SỐ TIỀN BẰNG SỐ<br>**20,000,000 VNĐ** |
| Nội dung thanh toán: Trả tiền hàng | |

| **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** | **NGÂN HÀNG A** | **NGÂN HÀNG B** |
|---|---|---|
| Kế toán Chủ tài khoản | Ghi sổ ngày | Ghi sổ ngày |

**Ví dụ 3:**Ngày 10/11/2016: Công ty thanh toán tiền mua vật tư cho Công ty Cổ phần Khánh Linh bằng tiền mặt .

**ĐK:** Nợ TK 331 : 15.000.000

Có TK 111 : 15.000.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 , sổ theo dõi tiền mặt. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331,111.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 để lập bảng tổng hợp chi tiết TK 331.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331, sổ cái TK 331 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu số 2.13.Phiếu chi:**

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**

Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

Số phiếu: 852

Tài khoản: 111

Tài khoản đứ: 331

**PHIẾU CHI**

Người nhận tiền: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Khánh Linh

Về khoản: Chi tiền mua vật tư

Số tiền: 15.000.000

Bằng chữ *Mười lăm triệu đồng chẵn*

Kèm theo: Hóa đơn số 000485 ngày 10/11/2016

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ): *Mười lăm triệu đồng chẵn*

Ngày 10 tháng 11 năm 2016

**NGƯỜI NHẬN** **THỦ QUỸ**

**Ví dụ 4:** Ngày 2/12/2016: Công ty mua nguyên vật liệu của công ty Cổ phần Khánh Linh theo hóa đơn GTGT 0000164 với giá trị chưa thuế 10% là 80.000.000 đồng.

**ĐK:** Nợ TK 152 : 80.000.000
Nợ TK 133 : 8.000.000
Có TK 331 : 88.000.000

Từ chứng từ trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 152,TK 133.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 để lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331, sổ cái TK 331 được sử dụng lập BCTC.

**Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0000164:**

| | |
|---|---|
| **HOÁ ĐƠN**<br>**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**<br>**Liên 2 : Giao cho khách hàng**<br>**Ngày 02 tháng 12 năm 2016** | Mẫu số: 01 GTKT3/002<br>Ký hiệu: AA/15P<br>Số: 0000164 |

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Khánh Linh

Mã số thuế: 5700374271

Địa chỉ: Số 245, phường Bãi Cháy , TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại/Fax:

Số tài khoản:…….

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Mã số thuế :5700101104

Địa chỉ: Số 449 , đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải , TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:.....

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| 1 | Dung dịch NH3 | ml | 1000 | 80.000 | 80.000.000 |
| | | | Cộng tiền hàng: | | 80.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 8.000.000 |
| | | | Tổng cộng tiền thanh toán | | 88.000.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi tám triệu đồng chẵn.

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

## Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung năm 2016:

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**Mẫu số S03a-DN**
TT số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của
Bộ Tài chính

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Năm 2016* Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải TK đối ứng | Số hiệu TK đối ứng | | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số hiệu | Ngày, tháng | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 40 | 20/4/ 2016 | HĐ 0000155 | 20/4/ 2016 | Mua khí clo của công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh | 152<br>133 | 331 | 79.000.000<br>7.900.000 | 86.900.000 |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 64 | 21/6/ 2016 | GBN 478 | 21/4/ 2016 | Thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh | 331 | 112 | 20.000.000 | 20.000.000 |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 84 | 10/11/ 2016 | PC 852 | 10/11/ 2016 | Thanh toán tiền mua NVL cho công ty Cổ phần Khánh Linh | 331 | 111 | 15.000.000 | 15.000.000 |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 97 | 2/12/ 2016 | HĐ 0000164 | 2/12/ 2016 | Mua NVL của công ty Cổ phần Khánh Linh | 152 133 | 331 | 80.000.000 8.000.000 | 88.000.000 |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | | **Tổng cộng** | | | **138.793.260.077** | **138.793.260.077** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Biểu 2.16: Trích sổ cái tài khoản 331:**

| | |
|---|---|
| **Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh** | **Mẫu số S03b-DN** |
| Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN | TT số: 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính |

**SỔ CÁI**

Năm 2016

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: VNĐ

| **Ngày tháng** | **Chứng từ** | | **Diễn giải** | **TK ĐƯ** | **Số tiền** | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **SH** | **NT** | | | **Nợ** | **Có** |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | **24.713.260.087** |
| … | …. | … | …. | … | … | … |
| 20/4/ 2016 | HĐ 0000 155 | 20/4/2 016 | Mua khí clo của công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh | 152 133 | | 79.000.000 7.900.000 |
| ... | ... | ... | ... | … | … | … |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 21/6/ 2016 | GBN 478 | 21/4/ 2016 | Thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ thuật An Thịnh | 112 | 20.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 10/11/ 2016 | PC 852 | 10/11/ 2016 | Thanh toán tiền mua NVL cho công ty Cổ phần Khánh Linh | 111 | 15.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 2/12/ 2016 | HĐ 0000 164 | 2/12/ 2016 | Mua NVL của công ty Cổ phần Khánh Linh | 152<br>133 | | 80.000.000<br>8.000.000 |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **53.764.276.187** | **41.221.643.120** |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | | **12.170.627.020** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

**Biểu số 2.17: Sổ chi tiết tài khoản 331 – Công ty TNHH An Thịnh:**

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**Mẫu số S31-DN**
TT số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 331**

Tài khoản 331 – Phải trả người bán

Đối tượng : Công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ Thuật An Thịnh

Năm 2016

Đơn vị tính:VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | | | **804.451.001** |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 03/04/ 2016 | HĐ 0000145 | 03/04/ 2016 | Mua khí clo | 152<br>133 | | 64.000.000<br>6.400.000 | | 856.425.123<br>862.825.123 |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 20/4/2016 | HĐ 0000155 | 20/4/2016 | Mua khí clo của công ty An Thịnh | 152<br>133 | | 79.000.000<br>7.900.000 | | 800.164.287<br>808.064.287 |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 21/6/2016 | GBN478 | 21/6/2016 | Thanh toán tiền mua vật liệu | 112 | 20.000.000 | | | 754.218.871 |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **504.215.145** | **412.746.114** | | |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | | | | **712.981.970** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

**Biểu số 2.18: Sổ chi tiết tài khoản 331 – Công ty Cổ phần Khánh Linh:**

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**
Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**Mẫu số S31-DN**
TT số: 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 331**

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán
Đối tượng : Công ty Cổ phần Khánh Linh
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | | Số dư | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | | **Số dư đầu kỳ** | | | | | **513.565.210** |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 09/10/2016 | HĐ 0000147 | 09/10/2016 | Mua NVL của Công ty Cổ phần Khánh Linh | 152<br>133 | | 40.000.000<br>4.000.000 | | 687.154.941<br>687.554.941 |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 10/11/2016 | PC 852 | 10/11/2016 | Thanh toán tiền vật tư cho công ty | 111 | 15.000.000 | | | 548.264.542 |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| 2/12/2016 | HĐ 0000164 | 2/12/2016 | Mua NVL của Công ty Cổ phần Khánh Linh | 152<br>133 | | 80.000.000<br>8.000.000 | | 476.542.647<br>484.542.647 |
| … | | | … | | … | …. | … | …. |
| | | | **Cộng số phát sinh** | | **412.235.235** | **124.487.264** | | |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | | | | **225.817.239** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

## Biểu số 2.19: Bảng tổng hợp tài khoản 331:

**Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh**

Số 449,Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, Hạ Long, QN

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 331**

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Tên khách hàng | Số dư đầu kỳ | | Số phát sinh trong kỳ | | Số dư cuối kỳ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| … | … | … | … | .. | … | … | … |
| 5 | Công ty TNHH Vật tư khoa học Kỹ Thuật An Thịnh | | 804.451.001 | 504.215.145 | 412.746.114 | | 712.981.970 |
| 6 | Công ty Cổ phần Khánh Linh | | 513.565.210 | 412.235.235 | 124.487.264 | | 225.817.239 |
| … | … | … | … | .. | … | … | … |
| 10 | Công ty TNHH Lê An | | 451.526.114 | 421.513.755 | 58.761.345 | | 88.773.704 |
| 11 | Công ty TNHH ACC | | 215.713.434 | 231.363.336 | 84.316.972 | | 68.667.070 |
| 12 | Công ty nhựa PVC | | 64.613.461 | 23.146.864 | 21.244.555 | | 62.711.152 |
| 13 | Công ty Cổ phần Kha Na | | 45.923.642 | 85.152.333 | 52.146.721 | | 12.918.030 |
| … | … | … | … | .. | … | … | … |
| | **Cộng** | | **24.713.260.087** | **53.764.276.187** | **41.221.643.120** | | **12,170,627,020** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên, đóng dấu) |

# CHƯƠNG 3
# GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA , NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH.

## 3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh là một công ty chuyên về các dịch vụ về nước sạch.Công ty nỗ lực chủ động tạo nhiều mối quan hệ, mở rộng thị trường, hoạt động kinh doanh để có thể phát triển và đứng vững lâu dài trên thị trường. Chính vì thế, công tác kế toán thanh toán, đối chiếu công nợ với nhà cung cấp và khách hàng của công ty ngày càng được coi trọng hơn và hoàn thiện hơn trước. Việc quản lý tốt phần hành kế toán thanh toán với người mua và người bán sẽ góp phần lớn giúp công ty quản lý tốt được tình hình tài chính của mình, tránh gặp rủi ro đáng tiếc như nợ xấu và nợ không trả được.

Cũng như các công ty khác, công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh mong muốn mình để lại ấn tượng tốt với khách hàng cũng như nhà cung cấp.Để đáp ứng mong muốn đó thì ngoài chất lượng sản phẩm cũng như đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn khéo léo, linh hoạt, nên công tác kế toán thanh toán là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty Cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh , em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau:

### 3.1.1. Ưu điểm

**Về tổ chức bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán của công ty được xây dựng theo mô hình hỗn hợp, mọi chứng từ sổ sách đều tập trung về phòng kế toán của công ty và chịu sự kiểm tra, quản lý của kế toán trưởng.Bộ máy kế toán chặt chẽ, đơn giản nhưng hiệu quả, nhân viên có năng lực và kinh nghiệm lâu năm. Số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

Kế toán thanh toán tại phòng kế toán được giao nhiệm vụ thực hiện toàn bộ quá trình thu nhận, xử lý, cập nhật theo dõi tình hình thanh toán , đồng thời luôn cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho ban lãnh đạo công ty.

**Về hình thức sổ kế toán:** Công ty áp dụng hình thức sổ " Nhật Ký Chung". Hình thức này tương đối đơn giản, đảm bảo rõ ràng, dễ làm phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

**Về hệ thống chứng từ:** Công ty sử dụng các chứng từ đúng theo mẫu biểu mà Bộ Tài Chính ban hành từ : phiếu thu, phiếu chi, HĐGTGT,… Thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các loại chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

**Về hệ thống tài khoản:**Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo thông tư 200//2014/TT ngày 22/12/ 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Về hạch toán kế toán thanh toán:** Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc, công ty mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ đối với từng đối tượng khách hàng và nhà cung cấp.Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược phù hợp cho công ty.

Công ty đã theo dõi công nợ phải thu, cũng như phải trả khách hàng một cách khoa học.

### 3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán tại công ty vãn còn tồn tại những hạn chế nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện.

1. Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, công tác kế toán vẫn được thực hiện trên excel dẫn đến mất thời gian và không tránh khỏi sai xót.
2. Trong công tác kế toán thanh toán, công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm.Do đó chưa khuyến khích được khách hàng thanh toán sớm ảnh hưởng đến khả năng quay vòng lưu động vốn của công ty.

3. Công ty chưa lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khách hàng quá hạn thanh toán theo thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 07/12/2009 về trích lập dự phòng.
4. Công ty chưa sát sao trong công tác quản lý công nợ thường xuyên.

**3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán**

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, đối với mỗi doanh nghiệp đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một thách thức, thách thức đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại.

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không còn phù hợp.Để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi nhà quản lý sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin, số liệu chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì thế công ty phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

**3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán.**

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng của kế toán và yêu cầu của ban quản lý.
- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập

dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, yêu cầu này vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán phải đáp ứng được những yêu cầu này thì quyết định kế toán của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát thực tế.
- Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được thì phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất cứ một giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nào đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra như chi phí lương nhân viên, chi phí tài chính và những hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí thì lúc đó phương án mới được thực hiện.

## 3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán với người mua, người bán tại Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

### 3.4.1. Giải pháp 1: Tăng cường quản lý công nợ

❖ **Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng**

Với một hồ sơ khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục giúp người quản lý nắm bắt được đầy đủ về thông tin của một khách hàng. Sau đây em xin phép đề xuất một mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng như sau:

**HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG**

Tên khách hàng .....

Tên viết tắt.....

Địa chỉ .....

Điện thoại…… Số Fax *( Fax No.)*.....

Địa chỉ thư điện tử.....

Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH…).....

.....

Ngành nghề đăng ký kinh doanh.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp) .....
Ngày cấp……/……./……Nơi cấp.....
Mã số thuế .....
Tài khản ngân hàng .....
Người đại diện theo pháp luật……ĐT .....
Người giao dịch……..ĐT .....

***Giả sử:*** *Hồ sơ khách hàng DNTN Trần Hường*

## HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

-Tên khách hàng: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN HƯỜNG
-Tên viết tắt: DNTN TRẦN HƯỜNG
-Địa chỉ:Số 536,tổ 37, khu 4 phường Cao Thắng, TP Hạ Long, Quảng Ninh
-Điện thoại: 0333821840 Số Fax *( Fax No.)*:
-Địa chỉ thư điện tử:
-Loại hình đăng ký doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH…): DNTN
-Ngành nghề đăng ký kinh doanh: May mặc
-Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Mã doanh nghiệp): 0620042110524
-Ngày cấp: 3/4/2005 Nơi cấp: Cục thuế tỉnh Quảng Ninh
-Mã số thuế: 5700540296
-Tên ngân hàng: Ngân hàng Agribank – CN Quảng Ninh
-Số tài khoản: **8000211060328**
-Người đại diện theo pháp luật: Trần Thị Hường ĐT:**0915018878**
-Người giao dịch: Trần Thị Tuất ĐT:**0978452541**

- ✓ **Giải pháp về việc đối chiếu công nợ định kì:** Đối chiếu công nợ định kì vào cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua và người bán, theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản nợ phải thu nhằm thu hồi vốn sớm, có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá hạn.

  Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

**CÔNG TY……** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hạ Long, ngày…tháng…năm…

**BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ**

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày…tháng…năm…Tại văn phòng Công ty…,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**

- Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại: (033)3836246 Fax:
- Đại diện: Nguyễn Văn Thanh Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):…….

- Địa chỉ: ……..
- Điện thoại:…….....Fax:……
- Đại diện:……..Chức vụ:……

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kì:……đồng

| Ngày tháng | Số hóa đơn | Tiền hàng | Tiền thuế | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |

Số phát sinh trong kì:

3. Số tiền bên B đã thanh toán:…….đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày……bên B phải thanh toán cho Công ty cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh số tiền là:……..

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty cổ phần

Nước sạch Quảng Ninh không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp
nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A ĐẠI DIỆN BÊN B

***Giả sử**: Biên bản đối chiếu công nợ Trường tiểu học Cao Thắng*

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ**

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2016 Tại văn phòng Công ty cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh ,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**
- Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại: (033)3836246 Fax:
- Đại diện: Nguyễn Văn Thanh Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Bên B (Bên mua):**TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO THẮNG**
- Địa chỉ: Tổ 64, phường Cao Thắng, tp Hạ Long, Quảng Ninh
- Điện thoại: (033)3821854 Fax:
- Đại diện: Nguyễn Hồng Hà Chức vụ: Hiệu Trưởng

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kì: 79.020.000 đồng

| **Ngày tháng** | **Số hóa đơn** | **Tiền hàng** | **Tiền thuế** | **Thành tiền** |
|---|---|---|---|---|
| 23/07 | 0000184 | 98.500.000 | 9.850.000 | 108.350.000 |

Số phát sinh trong kì:

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 108.350.000 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 31/07 bên B phải thanh toán cho Công ty cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh số tiền là: 79.020.000 đồng. *( Bằng chữ: Bảy mươi chín*

*triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn )*

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A ĐẠI DIỆN BÊN B

- ✓ **Giải pháp thu hồi nợ hiệu quả:** Việc nợ nần trong kinh doanh luôn là điều không tránh khỏi. Quản lý nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và thành công của một doanh nghiệp. Công ty phải đảm bảo dòng tiền không bị tắc nghẽn bởi những khoản nợ khó đòi.
- ✓ **Phương pháp đàm phán thương lượng trong thu hồi nợ:** Bằng mọi giá phải cố gắng thu hồi nợ được ở trong giai đoạn thương lượng, đàm phán bởi:
  - Công ty có cơ hội tiếp tục cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách nợ.
  - Công ty sẽ tiết kiệm được tài chính, thời gian.
  - Công ty giúp giữ thể diện, uy tín, danh dự cho khách nợ và giữ lại tình cảm với khách nợ
- ✓ **Phân loại khách hàng theo cấp độ nợ:** Công ty nên phân loại khách hàng trước khi hợp tác để tránh rủi ro sau này không thu hồi được nợ.Độ nợ nần của khách hàng thường chia thành 3 thể loại: Kiểu khách hàng ở độ mạo hiểm thấp, độ mạo hiểm trung bình và độ mạo hiểm cao.Với từng kiểu khách hàng sẽ có từng cách đối phó hiệu quả khác nhau.

- *Khách hàng ở độ mạo hiểm thấp*: Thường sẽ là những khách hàng lâu năm, có uy tín việc thu nợ là điều đơn giản vì khách hàng luôn trả đúng thời hạn hoặc là sau cuộc điện thoại nhắc nhở thứ nhất nếu có chút vấn đề về tài chính.
- *Khách hàng ở độ mạo hiểm trung bình:* Khách hàng này luôn trễ hẹn vài ngày hoặc 1 tuần.Nếu vẫn chưa thanh toán sau 2 cuộc điện thoại vào những ngày tiếp theo thì công ty hãy gửi một lá thư yêu cầu thanh toán hoặc đến tận nơi để tìm hiểu nguyên nhân nhắc nhở "nghĩa vụ" đối với khách hàng.

- *Khách hàng ở độ mạo hiểm cao*: Công ty hãy làm các bước như đã làm với kiểu khách hàng ở độ mạo hiểm trung bình. Khách hàng sẽ đưa ra lí do và chây ì với nghĩa vụ thanh toán nợ. Công ty phải luôn ghi nhớ mục tiêu để giao tiếp với khách hàng một cách cứng rắn mà vẫn khôn khéo logic.Mục tiêu cuối cùng là ngày hẹn thanh toán cuả khách hàng.Công ty hãy yêu cầu khách hàng ký giấy cam kết thanh toán. Nếu tất cả những điều này đều không thành công thì con đường duy nhất khi ấy sẽ là tòa án.

- ✓ **Đưa ra chính sách rõ ràng trong hợp đồng:** Để hạn chế tối đa những vấn đề phát sinh sau này, công ty cần đưa ra những chính sách rõ ràng như ký thỏa thuận rõ ràng, thời hạn và phương thức thanh toán.Thể hiện cụ thể ngày trong hợp đồng**,** ghi rõ hạn thanh toán và hạn chót thanh toán là khi nào.
- ✓ **Lập một quy trình thu hồi nợ rõ ràng cho công ty**: Khi làm việc với khách hàng, công ty nên lập một quy trình thu hồi nợ để xác định được rõ cá nhân nào sẽ chịu trách nhiệm với khách hàng cũng như quy định rõ thời gian cách thức cho việc gửi thư nhắc nhở hay các cuộc gọi điện thoại giữa công ty và khách hàng.
- ✓ **Lưu trữ dưới dạng tài liệu mọi giao dịch**: Mọi liên hệ của công ty với khách hàng như email, thư, cuộc gọi,… Công ty có thể cần những thứ này cho việc tranh chấp sau này.

### 3.4.2. Giải pháp 2: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Hiện nay tại Công ty cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh chưa áp dụng sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ Tài Chính.Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình của công ty, lãi suất tiền gửi thanh toán tại ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản và cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu nên chia thành nhiều mức căn cứ vào số ngày mà khách hàng thanh toán sớm, và đối với mỗi khách hàng có thể áp dụng từng tỷ lệ chiết khấu thanh toán khác nhau.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải được ghi cụ thể trong hợp đồng kinh tế được ký kết giữa hai bên, đây là điều kiện cần và đủ để làm căn cứ thực hiện chiết khấu thanh toán đối với khách hàng.

- **Tài khoản sử dụng**: TK 635: Chi phí tài chính

***Sơ đồ 3.3: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán***

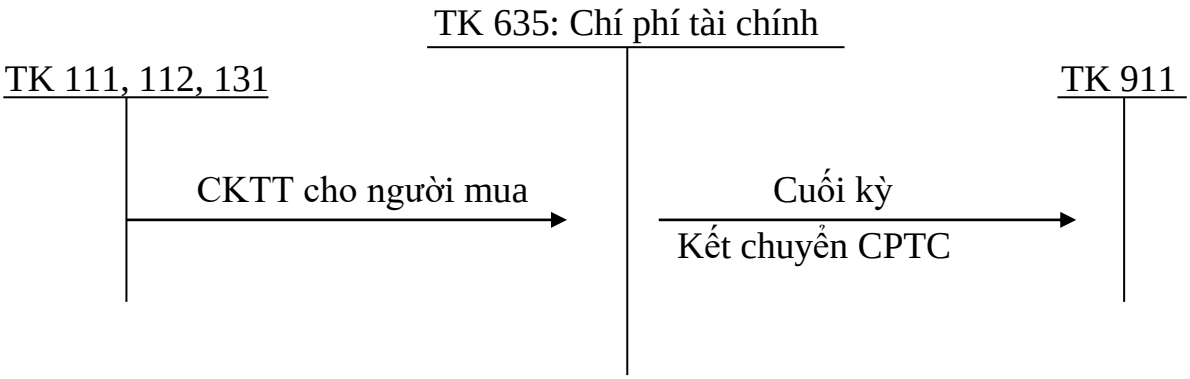


- **Phương pháp hạch toán**:
  - Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:
    Nợ TK 635: Chi phí tài chính
    Có TK 131,111,112.....
  - Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:
    Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
    Có TK 635 : Chi phí tài chính.

***Giả sử, em có ví dụ như sau:***

Năm 2016, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng Vietin Bank.Tại thời điểm này, mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng Vietin Bank năm 2016 là 6% / năm, mức lãi suất cho vay là 11% / năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng ( nếu vượt quá lãi suất cho vay của ngân hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm tài chính ) Doanh nghiệp chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 8% / năm dựa theo lãi suất ngân hàng Vietin Bank

Trong năm 2016, doanh nghiệp có ký hợp đồng kinh tế bán nước sạch với Công ty TNHH Lan Anh. Mục điều khoản thanh toán của hợp đồng kinh tế được ký giữa hai bên phải nêu rõ:

" Công ty TNHH Lan Anh ( Bên B ) có trách nhiệm và nghĩa vụ thanh toán 100% tiền hàng bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng được thống nhất với Công ty cổ phần Nước Sạch Quảng Ninh ( Bên A ) chậm nhất là 20 ngày ( không bao gồm thứ 7, chủ nhật ) kể từ ngày nhận hàng và các giấy tờ có liên quan ( hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao, bảng kê ( nếu có ),……. ).

Bên B được hưởng chiết khấu thanh toán sớm với tỉ lệ: 0,022% / ngày thanh toán trước hạn.

Hình thức trả chiết khấu: theo thỏa thuận giữa hai bên.

Số tiền được hưởng chiết khấu:

- Chiết khấu thanh toán được hưởng= Tổng số tiền thanh toánxtỷ lệ chiết khấu x số ngày thanh toán trước hạn.

Nếu quá hạn thanh toán, bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với bên A. Bên B hoàn toàn phải chịu phạt thanh toán muộn với tỷ lệ: 0,08% / ngày thanh toán muộn.

Số tiền bị phạt thanh toán muộn:

- Số tiền phạt = Tổng số tiền còn thiếu x tỷ lệ nộp phạt x số ngày quá hạn thanh toán."

Vào thứ sáu, ngày 05/08/2016: Bán nước sạch cho Công ty TNHH Lan Anh:

**ĐK:** Nợ 131 : 7.140.000
Có 511 : 5.950.000
Có 3331 : 595.000

Ngày 10/08/2016: Công ty TNHH Lan Anh đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 05/08/2016. Kế toán doanh nghiệp tính tỷ lệ chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

- Hạn thanh toán như theo hợp đồng đã ký là ngày 02/09/2016, Công ty TNHH Lan Anh đã thanh toán trước hạn là 17 ngày.

⇨ Tỷ lệ chiết khấu thanh toán = 0,022% x 17 = 0,374%

⇨ Tiền chiết khấu = 0,374% x 7.140.000 = 26.704

Ngày 11/08/2016: Kế toán doanh nghiệp thanh toán tiền chiết khấu thanh toán cho Công ty TNHH Lan Anh:

**ĐK:** Nợ 635 : 26.704

Có 131 : 26.704

**3.4.3. Giải pháp 3: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Hiện nay, chiếu theo điều kiện của việc lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh chưa khai lập dự phòng. Nhưng để kiểm soát được nguồn tài chính của công ty tránh được tổn thất do các khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong tương lai nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**Tác dụng dự phòng phải thu khó đòi**: việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, bảo đảm cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**Về cơ sở pháp lý của việc lập dự phòng**: kế toán căn cứ vào thông tư TT228/2009TT-BTC ban hành 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**Điều kiện lập dự phòng**: doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

**Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng:**

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

*- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau*:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng tới dưới 1 năm
+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm tới dưới 2 năm
+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm tới dưới 3 năm
+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

*- Đối với khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể*: người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết… thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- **Tài khoản sử dụng**: TK 229.3 : Dự phòng phải thu khó đòi
- **Kết cấu tài khoản**

| **Bên Nợ** | **Bên Có** |
|---|---|
| - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi<br>- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi | - Số nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp. |
| | **Số dư bên có**: số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có ở cuối kỳ. |

***Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT 200:***

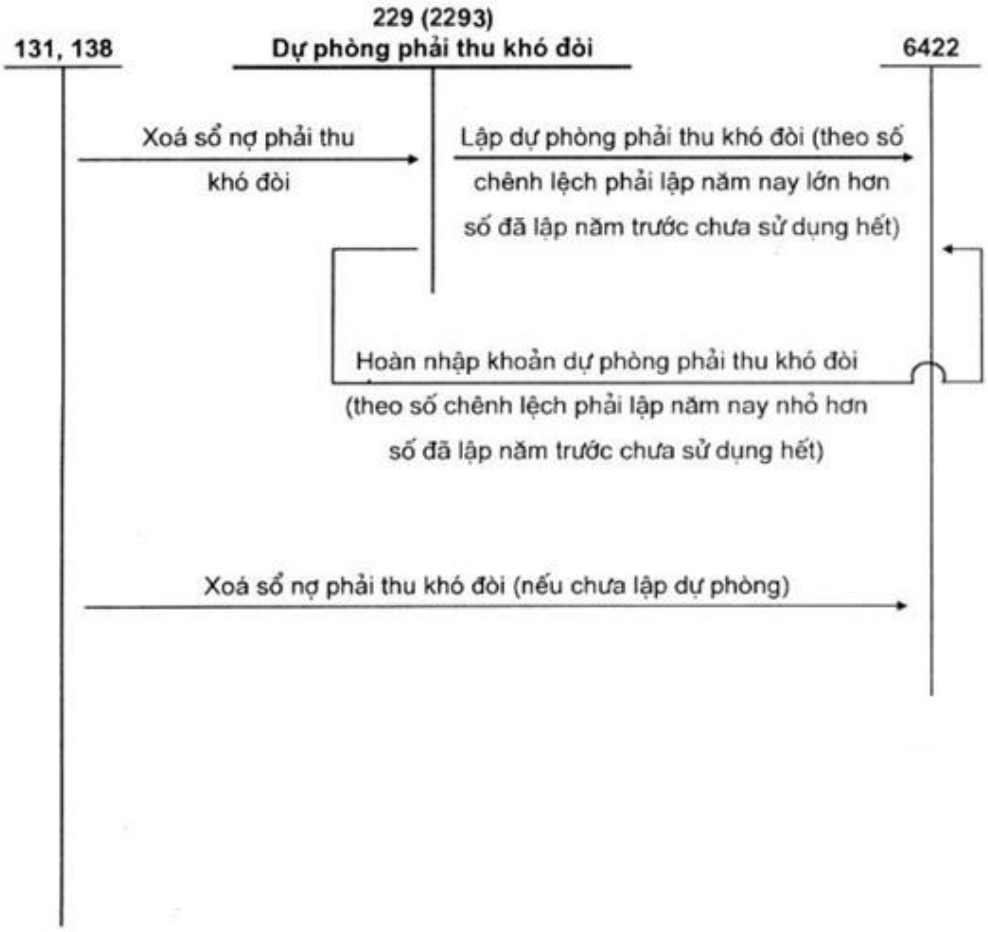


***Giả sử, em có ví dụ sau:***

**Biểu 3.1a: Báo cáo tình hình công nợ năm 2016:**

Cty CP Nước Sạch Quảng Ninh

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2016**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Tên công ty | Công nợ với khách hàng | Thời hạn thanh toán | Thời gian quá hạn | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Tùng Anh | 62.953.258 | 31/5/2016 | 7 tháng | |
| 2 | Cty điện tử PIP | 95.403.243 | 29/2/2016 | 10 tháng | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Cty CPTM ATL | 84.447.939 | 31/10/2015 | 1 năm 2 tháng | |
| 4 | DNTN Trần Hường | 28.050.382 | 27/02/2017 | | |
| 5 | Cty TNHH Khánh An | 307.664.809 | 15/01/2017 | | |
| 6 | Cty DV Hoàng Hà | 109.554.189 | 11/01/2017 | | |
| .. | …….. | …….. | …… | …… | …… |
| | **Tổng cộng** | **12.291.230.021** | | | |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*

| NGƯỜI LẬP | KẾ TOÁN TRƯỞNG | GIÁM ĐỐC |
|---|---|---|
| ( Ký, họ tên ) | ( Ký, họ tên ) | ( Ký, họ tên ) |

**Biểu 3.1b: Bảng trích lập dự phòng năm 2016:**

Cty CP Nước Sạch Quảng Ninh

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Tên công ty | Công nợ với khách hàng | Thời gian quá hạn | Mức trích lập | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Tùng Anh | 62.953.258 | 7 tháng | 30% | 18.885.977 | |
| 2 | Cty điện tử PIP | 95.403.243 | 10 tháng | 30% | 28.620.973 | |
| 3 | Cty CPTM ATL | 84.447.939 | 1 năm 2 tháng | 50% | 42.223.970 | |
| | **Tổng cộng** | **242.804.440** | | | **89.730.920** | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| NGƯỜI LẬP | KẾ TOÁN TRƯỞNG | GIÁM ĐỐC |
|---|---|---|
| ( Ký, họ tên ) | ( Ký, họ tên ) | ( Ký, họ tên ) |

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 89.730.920

Có TK 2923 : 89.730.920

**3.4.4. Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm kế toán.**

Phần mềm kế toán là một hệ thống được tổ chức dưới dạng chương trình máy tính. Khi thực hiện phần mềm mang lại các báo cáo tài chính, báo cáo chi tiết theo quy định hiện hành của kế toán doanh nghiệp. Phần mềm có nhiều dạng và giá thành khác nhau.

Phần mềm kế toán nhập số liệu đầu vào là các chứng từ, số liệu do người dùng nhập, hoặc nhập vào, dựa vào các thủ tục, quy trình có sẵn phần mềm kế toán sẽ xử lý và đưa ra các báo cáo một cách chính xác và hiệu quả, giúp người dùng tiết kiệm thời gian và chi phí.

1. Tiết kiệm thời gian: Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là bạn sẽ không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán công nợ là một quá trình liên quan đến chi tiết. Một phần mềm kế toán đã được thiết kế phù hợp để theo dõi công nợ một cách chi tiết cho từng khách hàng, từng nhà cung cấp. Điều doanh nghiệp cần làm là nhập liệu và in ra sổ sách.
2. Chính xác: Vì bạn không cần phải bỏ thời gian ra chuyển các số liệu từ sổ chi tiết sang sổ tổng hợp nên sự sai sót do con người được giảm thiểu. Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất doanh nghiệp có thể gặp phải là do nhập dữ liệu và thông tin sai lệch từ ban đầu. Hầu hết các phần mềm kế toán đều có phần hỗ trợ hướng dẫn cách sử dụng toàn bộ quy trình nhập liệu thông tin khách hàng và nhân viên. Một khi nắm được cách làm, bạn không cần xem lại phần hỗ trợ này nữa và mọi thao tác sẽ nhanh hơn. Hình thức hướng dẫn này góp phần giảm thiểu sai sót và cải thiện chất lượng số sách kế toán của doanh nghiệp.
3. Dễ sử dụng: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Phần lớn kế toán chỉ cần dành thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Họ không cần phải tốn thời gian đọc hướng dẫn sử dụng để biết chương trình được xây dựng như thế nào. Một khi chương trình đã được cài đặt, doanh nghiệp có thể điều chỉnh cho phù hợp với nhu

cầu thiết thực của mình. Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu giữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp chỉ trong vòng 5 phút.

4. Báo cáo: Một trong những điều tuyệt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính. Các báo cáo có thể xuất ra file Excel hoặc Word để sử dụng lập báo cáo tài chính hàng năm. Đặc biệt, các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo phù hợp với thời gian theo ý muốn của người sử dụng.

Đối với Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh, có thể tham khảo phần mềm kế toán Misa hoặc Fast Acounting.

Phần mềm kế toán Misa :http://www.misa.com.vn

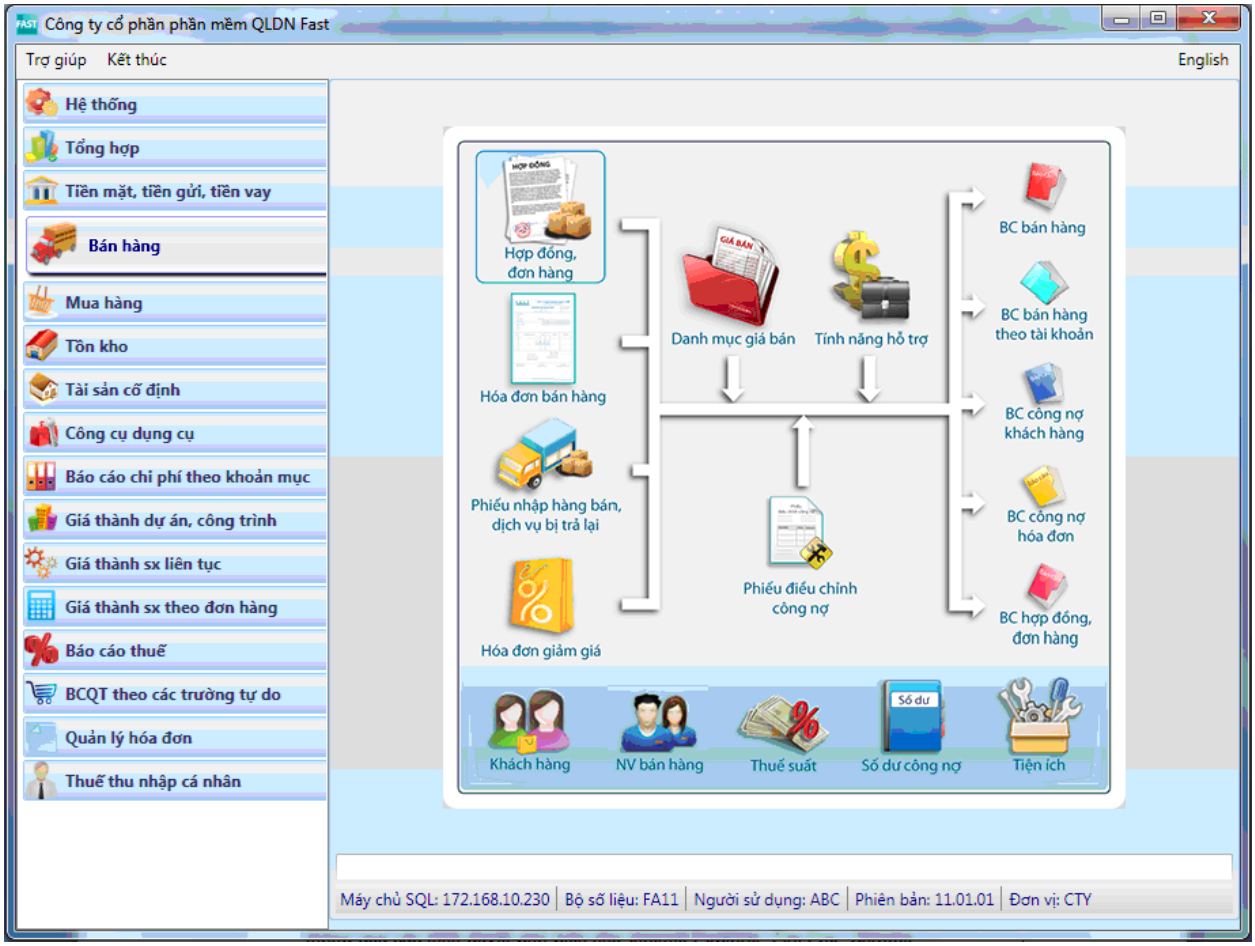


Phần mềm kế toán Fast Acounting: http://fast.com.vn/

Để biết thêm thông tin cụ thể hơn về phần mềm, doanh nghiệp có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

# KẾT LUẬN

Như chúng ta đã biết, hiện nay quản lý công tác kế toán thanh toán là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ấn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹo giữa hai bên… Do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp. Mà để có thể quản lý tốt công tác kế toán, kế toán thanh toán cần cung cấp được những thông tin chính xác, kịp thời.

Đề tài **" Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh"** đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thanh toán trong các doanh nghiệp, mô tả được thực trạng tổ chức kế toán thanh toán tại công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh và đưa ra được một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, hoàn thiện chính sách về chiết khấu thanh toán,

Do thời gian thực tập không nhiều và dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiêm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin cảm ơn cô giáo **Th.S Trần Thị Thanh Phương** cùng các chị làm việc tại phòng kế toán công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đã nhiệt tình giúp đỡ và hướng dẫn em trong việc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

*Hải phòng, ngày…tháng…năm 2017*

**Sinh viên**

Phạm Thanh Hoa